

NGUYỄN QUỐC HÙNG, M.A.

kỹ thuật học

nghe hiểu TIẾNG ANH

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM VTV2



study skills



Dùng kèm CD



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN QUỐC HÙNG, M.A.

LISTENING TECHNIQUES

STUDY SKILLS

Sách hướng dẫn người Việt luyện nghe hiểu tiếng Anh

Chương trình phát sóng Truyền hình Việt Nam - VTV2

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ACKNOWLEDGMENTS

I have a great debt to all the teachers who have lent their expertise to flesh our ideas and provide reference sources, and to all the students and others who have expressed their opinions and views about how to improve one's understanding ability.

This book would not exist without the immense encouragement which I received along the way from TV audience, learners throughout the country, and the people at Ho Chi Minh City Publishers, and Tinh Hoa Cultural Co., Ltd.

Nguyen Quoc Hung, M.A.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin thành thật cảm ơn các thầy cô với trình độ chuyên môn cao của mình đã làm sáng tỏ hơn ý tưởng của tôi và giúp tôi cũng như người học những nguồn tư liệu quý báu, những cách tư duy đúng hướng. Xin thành thật cảm ơn các bạn sinh viên đã bày tỏ ý kiến và kinh nghiệm của mình giúp cho người học tiếng Anh hiểu được cách tăng cường năng lực nghe hiểu.

Quyển sách này không thể ra đời được nếu không có sự khích lệ của khán giả truyền hình, của người học tiếng Anh trong cả nước và của những cán bộ Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, cũng như Công ty Văn hoá Tinh hoa.

Nguyễn Quốc Hùng, M.A.

INTRODUCTION ĐỀ DẪN



*To the learners,
Các bạn học tiếng Anh thân mến,*

Trong nhiều năm qua các cơ sở đào tạo tiếng Anh thường rất quan tâm đến phương pháp giảng dạy của người thầy. Các lớp huấn luyện thầy dạy tiếng Anh được tổ chức thường xuyên trong nước cũng như ngoài nước. Tuy nhiên một chương trình học tiếng muốn thành công cần có hai yếu tố tương tác, đó là **phương pháp dạy** của người thầy và **phương pháp học** của người trò, thuật ngữ tiếng Anh là *Study Skills*. Phương pháp học là những nguyên tắc chung cho mọi người. Phương pháp học thường chỉ phân biệt về lứa tuổi, ví dụ có hai phương pháp hoàn toàn khác nhau cho trẻ nhỏ học tiếng (VYL=*Very Young Learners*; VY=*Young Learners*) và người lớn (*adults*) học tiếng.

Nhằm giúp các bạn một phương pháp học tập đúng hướng, Ban Khoa Giáo Đài Truyền hình Việt Nam cho phát sóng chương trình *Mỗi ngày 30 phút học tiếng Anh* (*Thirty Minutes of English a Day*). Chương trình này giúp các bạn một phương pháp học tiếng Anh (*Study Skills*) dành cho người học, dù người đó là học sinh phổ thông hay sinh viên đại học hay bất cứ ai đang học tiếng Anh.

Quyển sách này được biên soạn trên cơ sở ngữ liệu của chương trình phát sóng nói trên: các kỹ thuật, các cuộc phỏng vấn, băng ghi hình minh họa, bài tập nghe nhìn (audio-visual), v.v. Mục đích của quyển sách, cũng như chương trình phát sóng, là giúp các bạn những kỹ thuật **nghe hiểu** tiếng Anh, một bình diện rất khó đối với người Việt học tiếng Anh.

Quyển sách này bao gồm những kỹ thuật đặc biệt dành cho người Việt mà tác giả đã rút ra từ kinh nghiệm nhiều năm trên bục giảng, cũng như các kỹ thuật được sử dụng có hiệu quả ở nhiều nước, nhưng có sự cải tiến cho phù hợp với người Việt.

Do yêu cầu về cấu tạo một quyển sách, chúng tôi không theo đúng trật tự như các bài phát sóng, mà có sự biên tập lại, sắp xếp ngữ liệu phục vụ cho các kỹ thuật một cách trực tiếp hơn, dễ tìm hơn. Đĩa VCD và CD cũng được sắp xếp theo trật tự của sách.

Trước khi vào chương trình học chúng ta hãy cùng gặp gỡ một số bạn học, một số thầy cô có nhiều kinh nghiệm dạy tiếng, để cùng trao đổi về những yêu cầu, khó khăn, thuận lợi của quy trình học tiếng, đặc biệt là học nghe hiểu.

Sinh viên Tô Đức Hải

Đối với chương trình học tiếng Anh trên truyền hình nói riêng và các ngành học tiếng Anh nói chung, tôi nghĩ rằng mục đích quan trọng nhất là làm thế nào đáp ứng được nhu cầu của người học, làm thế nào để nâng cao trình độ tiếng Anh.

Bên cạnh yêu cầu mở ra các cách thức tiếp cận học tiếng Anh cho mọi người, có thể là chương trình cũng có thêm các mục như phỏng vấn hoặc trao đổi với những người đi trước, những người có rất nhiều kinh nghiệm học tiếng Anh. Hiện nay có thể nói riêng về mặt tiếng Anh thì họ rất tốt và bên cạnh đó cũng có thể nói họ thành đạt trong cuộc sống. Những kinh nghiệm của những người đi trước đó rất tốt đối với thế hệ trẻ.

Sinh viên Hà Thị Dung

Tôi nghĩ rằng học bất cứ thứ gì thì đều có phương pháp. Nếu các thầy giúp đỡ chỉ cho tôi những phương pháp thích hợp để luyện khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh thì với trang bị ấy tôi có thể học tốt môn tiếng Anh này.

Nhà báo Đàm Minh Thụy

Tôi nghĩ chương trình học phải thích hợp, tức là nó tạo cho người ta một điểm hứng khởi để có thể tiếng nói Anh và đừng bắt người ta học những từ, những cách học khô cứng như trước đây.

Ca sỹ Hoàng Hiệp

Em mong muốn là chương trình dạy học tiếng Anh trên truyền hình sẽ có rất nhiều màu sắc, đưa ra rất nhiều tình huống để sao cho phù hợp với tất cả mọi người, mọi lĩnh vực, mọi nghề nghiệp.

Một sinh viên

Mỗi chương trình mang một đặc điểm rất riêng gì đó. Chương trình nào em cũng thấy rất là thú vị và có lẽ em thích nhất là chương trình *Sing to Learn*. Và ở chương trình đó giúp em học hỏi được thêm nhiều kinh nghiệm, điều mới lạ về ngôn ngữ tiếng Anh của chúng em. Ví dụ như cách phát âm, từ vựng chẳng hạn, nếp sống của các nền văn hoá khác nhau.

Một sinh viên khoa Luật

Trước đây tôi thường bật băng lên là nghe; và khi nghe tôi cố nắm bắt tất cả những gì người ta nói, vì vậy mà tôi dường như không thể nghe được, không hiểu người ta đang nói gì. Nghe nhiều quá tôi bị ức chế và rất chán nản. Lúc đầu cũng quyết tâm nghe, cũng có lần quyết tâm và ham thích cái môn này, nghe đi nghe lại nhưng càng nghe tôi càng thấy rối vì không thể nào nắm bắt được hết những gì người ta nói.

Nói về phương pháp học (*study skills*) của người lớn, chúng ta hãy cùng chia sẻ một số khó khăn trong học tập với một số thầy dạy tiếng Anh.

Thầy giáo Phạm Sanh Châu

Giảng viên Trường Quan hệ Quốc tế

Thực ra thì ... nếu mà ... để nói kỹ năng khó nhất trong 4 kỹ năng ấy thì nghe làm tôi sợ nhất vì tôi không hiểu người ta nói gì. Và các bạn cũng phải hiểu một kinh nghiệm là khi mình hiểu họ thì mình chủ động được và rất tự tin. Nếu mình không hiểu mình rất bị động, mình sẽ rất luống cuống. Tôi nói ví dụ như chúng ta có thể nói chưa tốt, thế nhưng mà chúng ta sẽ cố gắng nói được. Nhưng nếu nghe chưa tốt mà họ cứ nói liên tục thì nghe không kịp. Mình sẽ không hiểu và không hiểu thì ta sẽ lệch pha, đúng không ạ? Và trong công việc mà không hiểu thì rất gay go.

Thầy giáo Phạm Duy Trọng

Nguyên giảng viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội

Nghe nói khó như nhau. Tôi thật tình mà nói, với các bạn may mắn khi có cái đài phát thanh be bé, đài con con. Tôi có mở ra thì thực tình mà nói chữ Luân Đôn ai cũng nghe ra là London cả, mà tôi nghe mãi mới ra. Đây là nói rất thật với các bạn nhiều khi các bạn có hỏi tôi là tôi làm thế nào để nghe được, thì tôi cứ bảo thôi thì đành cứ nghe thôi, nhưng mà tôi phải nghe đến ba bốn tháng lúc bấy giờ nó mới rõ ra được.

Dạo đó đài London (BBC) hay nói về Châu Á và phát thanh qua Singapore rồi thì

phát thanh trở lại đây. Chúng tôi cũng thường nghe và ... à ừ nhỉ ... thế sao người ta lại đọc khác mình nhỉ. Mình cứ đọc Lân Dân nhưng không phải Lân Dân. Nó đọc rất mạnh vào chữ Lân còn chữ Dân nó bỏ. Hoặc như từ cái vườn (garden) chẳng hạn thì rõ ràng mình cứ đọc là ga-đừn nhưng nó có đọc là ga-đừn đâu ạ. Nó đọc chữ ga- rất to nhưng chữ đừn nó đọc nhỏ đi. Và khó nhất đối với người nước ngoài, nhất là đối với người Việt Nam ta chính là ngữ âm câu. Tôi không hiểu tại sao khi đọc thì nó đều lắm. Cái tiếng của người ta mà ... chỗ nên nó cứ từng nhịp từng nhịp ... nhịp lên xong lại là nhịp xuống. Nếu mà đo thì rất đều nhau, nhưng mình không thể nào nói được như vậy. Thì lý thuyết ai cũng biết, nhưng khi nói thì khác.

Thế còn nghe, các bạn đừng có nghe từng chữ. Nghe từng chữ không hiểu được. Chúng ta hiểu là hiểu theo từng cụm từ sau đó là từng ý và từng câu. Bạn phải nghe cụm từ, sau đó là ý, câu; chứ còn nếu bạn nghe từng từ thì bạn không thể nào hiểu được. Tách rời ra thì không thể hiểu được. Và cái gì cũng thế thôi, phải khổ luyện. Mình luyện được cho bản thân mình cũng là khó. Nhưng nghe rồi diễn cho người khác lại càng khó hơn. Cái đó mất công thật, nhưng nếu các bạn chịu khó, đặc biệt là yêu thứ tiếng ấy thì sẽ thành công. Bản thân tôi cũng phải nói là quý thứ tiếng ấy lắm ... mình thích thứ tiếng ấy lắm, thứ tiếng đó nó hay lắm ... không phải vì cái tiếng Anh khi hát lên nó ô a gì đấy ... nhưng bản thân tiếng của người ta là tiếng văn hóa. Cũng như ta yêu tiếng Việt của chúng ta, tiếng đó là tiếng văn hóa.

Thầy giáo Nguyễn Quốc Hùng

Giảng viên tiếng Anh trên truyền hình

Khi chúng ta học tiếng Anh tức là chúng ta xây dựng một năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, bao gồm bốn kỹ năng nói, nghe, đọc và viết. Chúng ta cần có kỹ thuật, có những phương pháp để xây dựng năng lực ấy. Người Anh có câu Zeal without knowledge is a runaway horse, nghĩa là có nhiệt tình nhưng mà không có sự hiểu biết thì cũng giống như một con ngựa nó chạy lông lên, không có phương hướng gì cả. Cũng giống như chúng ta học bơi chẳng hạn, mà chúng ta không học theo một phương pháp nào đó thì chỉ có thể nổi trên mặt nước chứ không thể bơi xa được. Trong quá trình học ngoại ngữ chúng ta cần phải có những phương tiện hỗ trợ như video, internet hay là máy tính ... thế thì ... chúng ta cũng lại phải có những phương pháp để sử dụng các phương tiện hỗ trợ này giúp cho việc học của chúng ta có hiệu quả.

Ông Nguyễn Quang Vinh.

Phó trưởng ban quan hệ quốc tế. Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam

Ngoại ngữ đóng vai trò hết sức quan trọng nó chính là công cụ. Nếu anh không có công cụ, cũng như khi ra trận mà vũ khí của anh thô sơ thì anh không thể chiến thắng được kẻ thù. Tiếng Anh trong kinh tế hội nhập toàn cầu này cũng vậy. Nó là thứ vũ khí để chúng ta tìm thấy tri thức, để chúng ta nâng cao sức cạnh tranh của chính mình.

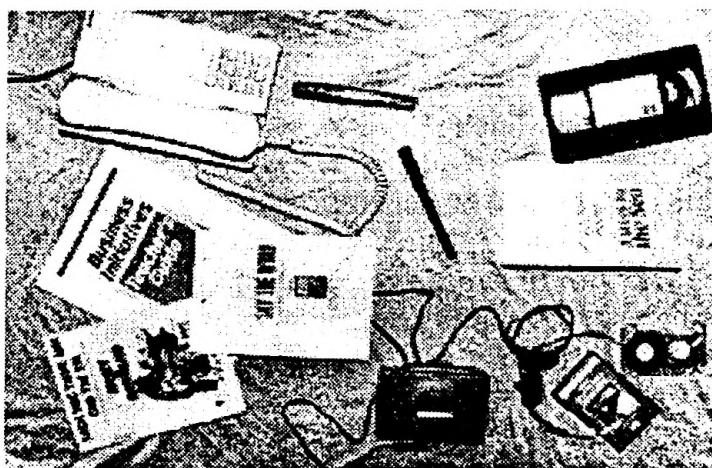
Ý thức tự trau dồi, tự vươn lên, tự học của bản thân là rất quan trọng. Học qua môi trường công tác tiếp xúc hàng ngày, qua giao dịch, văn nói rồi văn viết, giao tiếp với các bạn bè, đồng nghiệp. Thương nhân nước ngoài muốn vào Việt Nam thì tôi cũng phải giao tiếp với họ qua các công việc hàng ngày như vậy. Vốn tiếng Anh của tôi cũng được cải thiện, cộng với ý thức tự vươn lên, tự trau dồi thì chúng ta tiến một bước quan trọng trong việc học tiếng Anh; bởi vì học ở trường, học ở lớp thì không có nhiều thời gian lắm nhưng thời gian mình tự học, tự trau dồi, mình cảm thấy mình thiếu cái gì thì tự trau dồi cái đó. Theo tôi, khả năng tự học của mỗi con người là quan trọng hơn rất nhiều lần so với kiến thức đã được dạy ở trên lớp.

Thầy Lê Văn Canh

Trường ĐH Quốc gia Hà Nội

Ngôn ngữ nói hay nghe hay đọc hay viết phải luyện tập. Trăm hay không bằng tay quen. Mỗi một con người đều có một cách học khác nhau. Bạn nên thử các phương pháp học tập khác nhau xem phương pháp nào phù hợp nhất với mình, hiệu quả nhất với mình thì các bạn hãy đi theo phương pháp đó. Học ngoại ngữ cũng như học các môn khác thôi nhưng có lẽ trong học ngoại ngữ yếu tố tự học là yếu tố quan trọng nhất. Không tự học chúng ta sẽ không bao giờ giỏi được.

1. VAI TRÒ CỦA NGHE HIỂU TRONG GIAO TIẾP (The Role of listening comprehension in communication)



Trong chương trình hôm nay chúng tôi muốn đề cập đến phương pháp học tiếng Anh giao tiếp. Mời các bạn nghe thầy Sanh Châu nói về vai trò của kỹ năng nghe hiểu trong giao tiếp, và đặc biệt là trong công tác phiên dịch, và một số lời khuyên mà thầy đúc rút từ thực tế.

Thầy giáo Phạm Sanh Châu - Giảng viên, Đại học Quan hệ Quốc tế

Trong giao tiếp thì nói và nghe là hai chiều: đã là giao tiếp thì phải làm sao nói được cho người ta hiểu và đồng thời người ta nói thế nào mình hiểu được để còn mà nói lại. Thông thường kinh nghiệm tôi thấy ở Việt Nam, kể cả ở các nước khác, khi mới học một ngoại ngữ thì nói ngoại ngữ đó rất là khó nhưng rồi dần dần thì trình bày một vấn đề bằng ngoại ngữ đễ hơn là nghe.

Tại sao tôi nói như vậy? Bởi vì nghe đòi hỏi thứ nhất là mình phải nắm được vấn đề người đang nói chuyện với mình muốn nói vấn đề gì. Thứ hai là mình phải hiểu được, kể cả văn hoá, truyền thống tập tục của người nói, vì đôi khi người ta sử dụng những điển tích, hay những câu chuyện để làm ví dụ so sánh. Vì vậy nhiều lúc mình hiểu một từ nào đấy, mình nghe rõ ràng cái từ đấy, nhưng không hiểu hết ý. Câu chuyện ở đây là phải làm thế nào khi người ta nói mình phải hiểu được cả cái ý người ta nói gì, chứ không phải chỉ hiểu câu người ta nói ra.

Là người phiên dịch, bản thân tôi đã vấp phải là khi dịch hay khi nói cho người ta hiểu có thể mình nói không hay người ta vẫn hiểu. Câu chuyện ở đây là có hay hay không hay thôi, có gãy gọn, súc tích hay không thôi. Chứ còn khi nghe thì nhiều khi người ta nói một hồi mà mình không hiểu người ta nói gì, mặc dù mình bắt được tất cả các từ của họ. Do đó hiểu được người ta nói gì, ý của họ ra làm sao, sắc thái của từng ý như thế nào là vấn đề rất khó. Chúng tôi vẫn thường nói với nhau là khả năng hiểu được tất cả những ý tứ của người nói phải qua thực tiễn sống, phải qua kinh nghiệm và phải qua cả sự hiểu biết về vấn đề đang trao đổi.

Chúng ta đang nói về việc học nghe. Đối với người Việt học nghe tiếng Anh có một số khó khăn nhất định. Thường là có ba khó khăn chính:

Một là, chúng ta chưa hiểu rõ bản chất lời nói của người Anh. Ví dụ người Anh nói rất nhanh. Tại sao họ nói nhanh? Bởi vì họ nói có trọng âm và chỉ nhấn vào trọng âm thôi, lướt qua nhiều yếu tố. Họ có đặc thù là chỉ nhấn vào những trọng âm câu, tức là những từ quan trọng nhất ở trong câu, những từ chuyển tải ý chính của người nói. Ví dụ như *I have got a new box* thì người Anh nói *I got a 'new 'box*. Đó là cách nói có trọng âm. Chúng ta không nắm được cách nói đó nghe rất khó. Ngoài ra còn có các nét ngôn điệu khác nữa, ví dụ như luyến âm *Come_on*, đồng hoá âm *around_town*,...

Hai là, lối tư duy của chúng ta khác cho nên cách diễn đạt một cái ý tưởng khác với người Anh. Do vậy có khi biết tất cả các từ trong câu, nhưng chúng ta không hiểu được ý nghĩa của toàn câu. Ví dụ: *Their air was one of independence and release from authority* (Trông chúng có vẻ được tự do, thoát khỏi sự kiểm chế của bố mẹ). Thực ra trong câu này từ *independence* (nghĩa đen là độc lập) nhưng trong văn cảnh này (tức là, hai đứa trẻ đi ra khỏi nhà, không bị bố mẹ kiểm chế nữa, chúng cảm thấy rất thoải

mái, rất là tự do) thì *independence* ở đây có nghĩa là tự do; hoặc cũng trong câu trên, *release from authority*, *authority* ở đây không có nghĩa *chính quyền*, *quyền lực* mà ý nói về sự quan tâm, sự kiểm chế của bố mẹ đối với các đứa trẻ đó. Cách diễn đạt ấy không phải dễ gì mà chúng ta có thể hiểu được. Hoặc là một câu khác như khi ta muốn hỏi ngày thứ năm sắp tới anh có rỗi không. Thông thường chúng ta nói là *Are you free on Thursday?* nhưng người Anh nói là *How do you look on Thursday?* Câu trả lời thông thường là *I'm free the whole day*. Nhưng người Anh nói là *I'm wide open on Thursday*. Một ví dụ khác, khi thấy một cầu thủ bóng đá sút bóng ở một góc rất khó nhưng vẫn ghi bàn được, người bình luận nói *Couldn't write a fairy tale like that!* để ca ngợi quả sút ấy.

Ba là, tác động của tiếng mẹ đẻ, trong chuyên môn người ta gọi là sự chuyển di (*transition*) hoặc sự can thiệp (*interference*) của tiếng mẹ đẻ. Khi học tiếng Anh chúng ta vẫn phát âm những âm của tiếng Anh theo âm của tiếng Việt. Đến khi nghe người Anh nói chúng ta không nhận ra, đặc biệt là vấn đề trọng âm, ví dụ như từ *economy* trọng âm rơi vào -'co-. Nếu phát âm nhầm *'economy* thì người Anh không nhận ra được.

Nếu chúng ta biết được những khó khăn cơ bản như vậy thì sẽ tìm ra được biện pháp khắc phục. Tuy nhiên nói đến học nghe chúng ta cần phải tính đến các kỹ thuật nghe cần rèn luyện để trau dồi kỹ năng nghe hiểu.

Trong giao tiếp hàng ngày, trong đời sống thực có ba loại hình giao tiếp: (1) mặt đối mặt *face to face* khi hai người nói chuyện trực tiếp với nhau, (2) nghe qua *radio* hay qua băng *cassettes*, thuật ngữ tiếng Anh gọi là: *sound only*, (3) vừa nghe tiếng vừa thấy hình, như khi xem TV, *sound on and vision on*.

Để xây dựng năng lực nghe hiểu thông qua ba loại hình nghe này chúng ta có thể sử dụng một số kỹ thuật giống nhau, nhưng đồng thời mỗi một loại hình cũng lại có những kỹ thuật đặc thù.

Bùi Thị Linh - Học sinh THPT

Trước hết em thấy em là một người rất may mắn khi được học trong trường PTTH chuyên ngoại ngữ. Trường đào tạo ngoại ngữ thuộc trường Đại học ngoại ngữ của Việt Nam nên chúng em được đầu tư rất nhiều và phần lớn là 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh chúng em đều được rèn luyện. Tuy nhiên nó phụ thuộc rất lớn vào hệ thống thi cử của Việt Nam chủ yếu là thi viết cho nên các kỹ năng như nghe và nói còn chưa được chú ý đến nhiều lắm. Bởi vậy em nghĩ là nếu có một chương trình truyền hình thì em mong chương trình truyền hình đó giúp chúng em phát triển kỹ năng nghe và nói tiếng Anh của mình. Để sau này khi chúng em gặp người nước ngoài thì không thấy run như hiện nay, một số bạn mặc dù điểm tiếng Anh rất cao nhưng khi gặp người nước ngoài thì lại không biết nói gì cả.

Cô giáo Trần Thu Nga - Giáo viên tiếng Anh THPT

Trong quá trình chúng tôi dạy cũng gặp tương đối nhiều khó khăn nhưng khó khăn lớn nhất đó là cách dạy và cách thi cử khác hẳn nhau. Chúng tôi có được chỉ đạo dạy ngoại ngữ theo hướng giao tiếp tức là dạy các em cả 4 kỹ năng nói, nghe, đọc, viết nhưng khi thi nhất là thi đại học thì các em chỉ thi viết không thôi. Nếu mà chúng tôi có dạy các em nói thật hay, nghe thật tốt nhưng thi viết không tốt thì các em sẽ trượt đại học nên cũng có những sự bất cập ở đây, rõ ràng chúng tôi cũng phải bắt học sinh học rất nhiều ngữ pháp, làm rất nhiều bài tập và việc đó dẫn đến một việc là các em rất căng thẳng trong việc học ngoại ngữ

Huyền Ngọc - Học sinh THPT

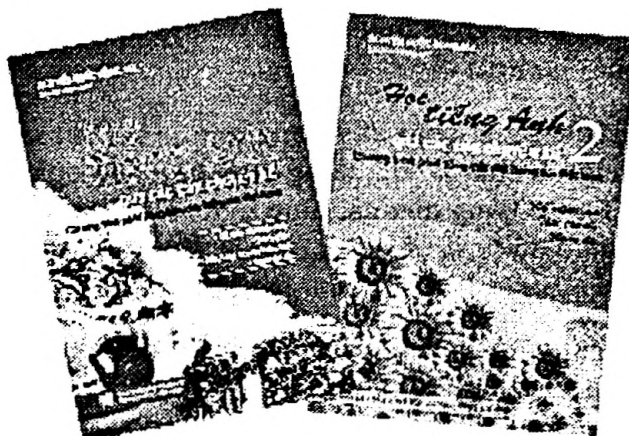
Em rất mong chương trình có thể giải đáp những khó khăn, những thắc mắc của chúng em ạ. Đó là những khó khăn về học tiếng Anh như học từ vựng hay học phát âm chuẩn, bởi vì ở trường cũng không có nhiều giáo viên bản ngữ mà cũng chỉ học theo chương trình sách giáo khoa để phục vụ việc thi cử, hay học viết, học ngữ pháp nên chưa chú trọng vào phần giao tiếp, nghe nói. Chúng em rất mong chương trình có thể đáp ứng đủ nguyện vọng.

Đến đây chúng ta cần phải làm rõ hơn một số bình diện nghe. Những người chưa có nhiều kinh nghiệm nghe thường hay lẫn lộn một số mục đích nghe. Khi nghe hiểu chúng ta thấy có những sự khác biệt như sau:

1. Nghe nhận diện từ đã biết (*Listen and identify familiar words. Hands up when you hear*): nghe để xây dựng lòng tin.
2. Nghe để lấy thông tin chính, tức là cốt lõi của một thông điệp. (*Listen for gist*)
3. Nghe để lấy thông tin mình cần đến (*Listen for wanted information*)
4. Nghe để lấy các thông tin về miêu tả và phân tích thông điệp (*Listen for supporting details*)
5. Nghe để lấy tất cả các thông tin của thông điệp. (*Listen for everything*).
6. Nghe ghi (*Listening and notetaking*)
7. Nghe chép chính tả (*Dictation & Dictogloss*)

Trong cuốn sách này chúng tôi sẽ xin lần lượt trình bày các kỹ thuật nghe nói trên dưới góc độ hướng dẫn người học cách thực hiện.

2. XÂY DỰNG VỐN TỪ VỰNG CHO NĂNG LỰC NGHE (Build a Word Stock for Listening Comprehension)



A. Listen for study

Khi chúng ta nói đến quy trình học ngoại ngữ thì giáo học pháp dạy tiếng quan tâm tới **ba chữ R (three Rs)**.

Chữ R thứ nhất **Remember**, nghĩa là ghi nhớ. Chúng ta ghi nhớ những ngữ liệu cần đến. Có hai loại ghi nhớ: ghi nhớ để sử dụng ngay tại chỗ tức là *short term memory* và ghi nhớ để sử dụng lâu dài tức là *long term memory*. Điều quan trọng là người sử dụng ngôn ngữ phải xác định rất nhanh ghi nhớ cái gì và không ghi nhớ cái gì.

Chữ R thứ hai **Retain**, nghĩa là lưu giữ. Đây là khả năng duy trì được vốn từ vựng, ngữ pháp trong một khoảng thời gian nào đó. Có những dữ liệu chúng ta phải duy trì cả đời, ví dụ như mẫu câu cơ bản (32 mẫu câu chẳng hạn), hoặc từ vựng cơ bản (khoảng một, hai hoặc ba nghìn từ, tùy theo nhu cầu của người sử dụng).

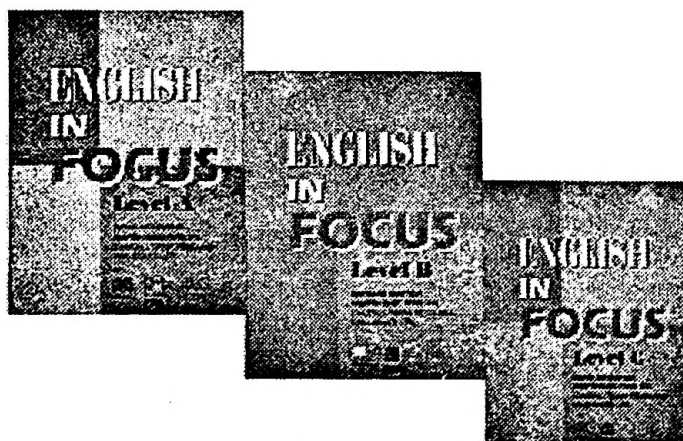
Chữ R thứ ba **Recall**, nghĩa là gợi nhớ. Đây là yếu tố quan trọng nhất trong việc sử dụng ngoại ngữ. Khi chúng ta đã *retain* được dữ liệu, thì cần có khả năng *recall*, tức là gợi nhớ lại để sử dụng trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Nếu trong tình huống giao tiếp mà chúng ta không gợi nhớ lại được thì vốn ngôn ngữ đó người ta thường gọi là vốn "chết", "từ vựng chết và ngữ pháp chết". Nói cho đúng hơn đó là vốn ngôn ngữ thụ động (*passive language*). Đây là vốn ngôn ngữ không sử dụng được một cách tích cực, không sử dụng được để sản sinh lời nói (nói) hoặc văn bản (viết). Cho nên năng lực giao tiếp được đánh giá bằng khả năng *recall*. Ba yếu tố *Remember*, *Retain* và *Recall* hoàn thiện quy trình học ngoại ngữ.

Rõ ràng ba chữ R kia có tác dụng rất lớn trong việc xây dựng năng lực sử dụng tiếng. Về nghe hiểu, nếu chúng ta lưu trữ được càng nhiều mẫu câu, càng nhiều từ thì

khả năng hiểu người khác nói càng lớn. Năng lực nghe hiểu, đặc biệt là nghe tích cực *active listening*, tức là nghe nắm bắt được đầy đủ thông tin, không phải là một món quà của tự nhiên (*not a natural gift*) như các nhà phương pháp thường nói. Nó là một cái gì đó phải học, phải được huấn luyện. Vậy để xây dựng một tiềm năng cho năng lực nghe, chúng ta phải làm gì?

Khi học ngoại ngữ chúng ta phải xây dựng một nền tảng cho khả năng giao tiếp (*background*) nói chung và nhất là khả năng giao tiếp qua nghe, nói. Xây dựng năng lực này thông qua cái gì? Thông qua hai hình thức. Hình thức thứ nhất theo học một khoá học chính khoá nào đó *basic English course*, theo các trình độ cao dần (*elementary, intermediate, advanced*). Hình thức thứ hai là các hoạt động ngoài lớp học.

Về hình thức thứ nhất, hình thức học chính khoá. Thông thường ở Việt Nam chúng ta hay nghĩ tới một quyển sách cụ thể nào đó, Chẳng hạn trước đây là *Streamline English*. Sau đó là *Headway* rồi nay là *English KnowHow*, tức là các *course books*. Đây là những quyển sách thiết kế ngữ liệu và các bài tập kỹ năng cho cả một khoá học (một trình độ): một vốn phát âm, một vốn từ vựng, một vốn ngữ pháp. Những hệ sách ấy thiết kế cho các trình độ từ thấp lên cao: *beginner* (còn gọi là *opener*), *elementary, pre-intermediate, intermediate, upper-intermediate* và *Advanced*.



Nhưng ở nước ngoài thông thường người ta ít quan tâm đến một quyển sách cụ thể mà họ xây dựng chương trình (*syllabuses, curricula*) cho từng bậc học một. Trên cơ sở đó từng nhóm giáo viên giảng dạy trực tiếp sẽ tìm tư liệu đáp ứng nhu cầu giảng dạy trên lớp học chứ không bám hẩn vào quyển sách như chúng ta.

Nhưng hình thức nào thì cũng không quan trọng. Cái quan trọng là ở chỗ phương pháp tiến hành khoá học ấy như thế nào để tạo được năng lực sử dụng ngôn ngữ nói chung, trong đó có năng lực nghe. Ví dụ vốn từ vựng hoặc chủ đề giao tiếp trong các sách giáo khoa, và vốn từ vựng hoặc chủ đề quy định trong các chương trình thường giống nhau. Nhưng mỗi tác giả, dù là tác giả viết sách hay giáo viên tự tìm tài liệu để dạy trên lớp, đều có những định hướng khai thác ngữ liệu: phương pháp dạy. Từ

đó người học định hướng được phương pháp học.

Điều đáng quan tâm ở đây là hiện nay nhiều nơi sử dụng *Streamline* hay *Headway* không đáp ứng đúng ý đồ của tác giả, ý đồ về phương pháp. Người thầy giỏi về ngữ pháp thì dạy nghiêng nhiều về ngữ pháp, người thầy mạnh về từ vựng thì khai thác chủ yếu về sử dụng từ. Nếu chúng ta đi chệch hướng ý đồ của tác giả thì việc xây dựng năng lực giao tiếp cũng bị chệch hướng. Điều đó làm cho người học lúng túng và lạc đường.

Một tác giả khi viết một cuốn sách bao giờ cũng phải lường tượng trong óc yêu cầu của người học: người học phải theo đuổi những kỹ thuật gì để tiếp thu được một cách có hiệu quả. Đó chính là những kỹ thuật học: *study skills*. Hiện nay chúng ta mới chỉ yêu cầu người học học cái gì, mà chưa quan tâm huấn luyện cho họ học như thế nào. Người thầy có thể dạy đúng nhưng người học không tiếp thu đúng hướng thì kết quả không cao.

Như vậy khi bắt đầu học tiếng Anh chúng ta đã phải xây dựng năng lực nghe thông qua một loạt các kỹ thuật, ví dụ kỹ thuật nghe trọng âm câu. Đặc biệt khi xây dựng vốn từ vựng để tạo nền tảng nghe hiểu và nói, chúng ta cũng phải thực hiện nguyên tắc đưa vốn từ vựng ấy vào văn cảnh, tình huống. Chúng ta hãy xem một tình huống trong đó sử dụng những từ, câu sau đây:

<i>apart from</i>	trừ ra
<i>work days</i>	ngày làm việc
<i>endless</i>	liên tục
<i>to chop firewood</i>	chẻ củi
<i>laundry</i>	quần áo giặt
<i>muddy boots</i>	giày lấm bùn

O_O

- Minna: So, how are you liking it here, Kai?
Kai: Well, let me see. Apart from twenty-hour work days, the endless lifting of heavy luggage, the chopping of raw cord firewood, the hauling of heavy laundry, and of course, the cleaning of endless muddy boots ... I like it just fine.
Wolfgang: Bellboy!
Minna: Sounds like he's coming this way ... you better scoot!
Wilfgang: Where's that bellboy?
Minna: Kai!
Wolfgang: You see that bell boy? The guests are asking for their boots.
Minna: No, I haven't seen him lately. Although I suspect the boots will be here

soon enough. Nice and clean.

(Trích phim *Snow Queen*)

Chúng ta dễ nhận ra những từ đó trong hoàn cảnh Kai đang kể về công việc của mình đang làm. Đồng thời Wolfgang đang tìm Kai vì khách cần giấy. Rõ ràng tình huống hỗ trợ chúng ta rất nhiều trong việc nhận diện từ, và nhờ đó cũng dễ nhớ hơn. Trong các sách giáo khoa tiếng Anh có muôn vàn tình huống như vậy. Chỉ có điều chúng ta có khai thác đúng hướng hay không thôi.

Ngoài việc tăng dần vốn từ vựng, trong quy trình học nghe nói thông qua một bộ sách giáo khoa trong các khoá học, người học còn có nhiều phương thức bổ sung vốn từ vựng của mình. Học từ để phục vụ mục đích nghe hiểu cần có định hướng cụ thể thì mới có hiệu quả.

Sinh viên Hà Thị Dung- Trường Đại học Luật Hà Nội

Tôi quan tâm đến nhất là kỹ năng đọc và nghe bởi vì ngành của tôi cần đến khả năng đọc nhanh để nắm thông tin nên tôi quan tâm đến kỹ năng đọc, trong quá trình đọc tôi học được rất nhiều từ mới bởi vì tuần suất nó lặp lại nhiều lần và tôi sẽ nhớ được rất nhanh và sẽ đóng góp tích cực cho việc phát triển các kỹ năng tiếp theo. Còn về kỹ năng nghe tôi quan tâm là vì có nghe được mới nói được.

Nói đến xây dựng vốn từ vựng tức là xây dựng một vốn chung cho cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Trên thực tế không thể nói được là vốn này tôi chỉ chuyên dùng nghe, vốn này tôi chuyên dùng để nói hoặc để đọc hay chuyên dùng để viết. Không có bốn kho từ vựng kiểu như vậy. Chỉ có một kho từ vựng.

Khi sử dụng các kỹ năng, chúng ta vận dụng kho từ vựng chung ở góc độ khác nhau một chút. Ví dụ khi viết thường phải dùng những từ có tính chất tầm chương trích cú (ngôn ngữ viết). Khi nói thường dùng từ đơn giản hơn, dùng dạng khẩu ngữ và những từ đệm như *well, kind of, sort of ...* Tất cả các loại từ vựng đó đều phải được lưu giữ.

Trong quy trình dạy và học tiếng Anh người ta chia vốn từ vựng ra nhiều bậc khác nhau từ thấp lên đến cao ví dụ 300 từ, đến 400 từ, 700 từ, 1000 từ, 1400 từ, 1800 từ, và 2500 từ... Cách chia này phục vụ cho việc từng bước nâng cao vốn từ vựng, đồng thời phục vụ cho mục đích xây dựng một hệ thống sách cho người học theo cái bậc cao dần.

Khi học theo một quyển sách nào đó chúng ta cần biết từ bao giờ cũng nằm trong văn cảnh (*context*), và như vậy không bao giờ học từ theo kiểu học tự điển. Văn cảnh chính là những hình ảnh làm cho chúng ta duy trì được từ đó lâu hơn. Ví dụ: trong bài nghe miêu tả về bờ biển có một từ mới là *seagull* (con hải âu). Nếu như chúng ta cứ

chỉ nhắc lại một cách cơ học *seagull ... seagull ... seagull ...* thì nay nhớ mai quên, nhưng nếu chúng ta gắn hình ảnh con hải âu với bờ biển, bay lên, bay xuống, bước đi tìm thức ăn ... thì sẽ nhớ được lâu hơn. Do đó khi học từ chúng ta cần quan tâm đến văn cảnh.

Những kỹ thuật gì giúp chúng ta nâng cao năng lực sử dụng từ phục vụ cho mục đích nghe hiểu ?

Một là, khi gặp bất cứ một từ mới nào ta phải nắm ngay cách phát âm của nó, đặc biệt là trọng âm từ, ví dụ *e'conomy, suc'cessful* . Có thể sau này khi gặp lại chúng trong chuỗi lời nói của người khác chúng ta mới có khả năng nhận diện được. Nếu phát âm sai, đặt trọng âm sai thì khả năng nhận diện chuỗi lời nói sẽ rất thấp.

Hai là, khi tăng cường các vốn từ vững để phục vụ cho mục đích nghe, nói chúng ta quan tâm đến vốn khẩu ngữ vì nói là khẩu ngữ. Chúng ta cần phân biệt những từ chỉ hay dùng trong nói và những từ dùng trong viết. Ví dụ *reiterate* (viết), *repeat* (nói); hoặc những khẩu ngữ (*colloquialism*) như *bricky* (*builder*: thợ xây), *chippy* (*electrician*: thợ điện), *gofer* (*go-for*: anh chàng chạy lăng xăng).

Muốn nâng cao vốn từ vững chúng ta phải nâng cao một cách từ từ , một cách có hệ thống. Hãy xây dựng những vốn từ từ thấp lên cao: 400 từ, 700 từ, v.v. bằng cách đọc hệ thống chuyện kể từ thấp lên cao. Ví dụ: hệ Oxford Bookworms Library, hoặc hệ chuyện viết dễ lại của nhà xuất bản McGraw Hill, v.v. Hãy đọc một loạt chuyện viết lại trong phạm vi số lượng từ vững hạn chế, ví dụ bắt đầu bằng hệ chuyện dùng 400 từ, sau đó tiếp tục hệ chuyện dùng 700 từ, rồi 1000 từ, v.v.. Mỗi bậc có rất nhiều chuyện khác nhau. Đài Tiếng Nói Việt Nam (VOV) thường xuyên phát sóng những câu chuyện kể thuộc các trình độ khác nhau.

Đối với mỗi bậc từ, người học cần tiến hành những bước sau đây: Bắt đầu đọc hệ chuyện chỉ dùng 400 từ. Trong khi đọc:

- Tra nghĩa từ mới. Nắm cách phát âm. Ghi nhớ văn cảnh dùng từ mới đó.
- Quan sát một từ được dùng trong các văn cảnh khác nhau như thế nào. Việc này thực hiện bằng cách đọc nhiều chuyện cùng một trình độ.
- Trong khi đọc chuyện chú ý nghe nhớ lời thoại của nhân vật bởi vì trong chuyện bao giờ cũng có hai loại hình, một là miêu tả (tả cảnh, tả tâm trạng, ...), và hai là các cuộc đối thoại. Đối thoại trong các câu chuyện cũng chính là những lời nói trong đời sống hàng ngày.
- Cuối cùng kết thúc đọc chuyện bằng mắt là nghe bằng cassettes hoặc video đọc câu chuyện đó để thấm được cách nói của người Anh, thấm được cách phát âm chuẩn.

Xây dựng vốn từ ở trình độ nào cũng phải thực hiện bốn bước như trên. Xây dựng vốn

từ vựng theo phương thức này vừa đảm bảo học được nghĩa từ, vừa tăng cường năng lực phát âm, khả năng nhận diện từ bằng tai.

Chúng ta đang bàn đến phương pháp tăng cường vốn từ vựng nói chung nhằm nâng cao năng lực nghe hiểu. Như chúng ta đã biết năng lực này phải được xây dựng dần dần, từ thấp lên cao. Hệ truyện đọc cũng được thiết kế theo từng bước tăng dần vốn từ vựng.

Bây giờ chúng ta nghe hai đoạn truyện, một đoạn trích trong tác phẩm *The Little Princess* by F. H. Burnett, một tác phẩm chỉ dùng 400 từ để viết, và trích đoạn tác phẩm *Jane Eyre* by Charlotte Bronte, một tác phẩm dùng 2500 từ để viết. Hãy so sánh bằng cảm giác, chúng ta cũng đã thấy độ khó dễ trong nghe hiểu khác hẳn nhau.

O_O

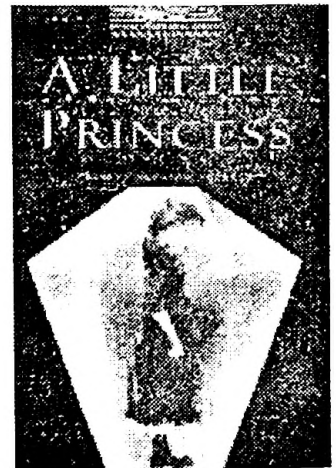
The Little Princess (với vốn từ 400)

One cold winter day a little girl and her father arrived in London. Sara Crewe was seven years old, and she had a long black hair and green eyes. She sat in the cab next to her father and looked out of the window at the tall houses and dark sky.

'What are you thinking about, Sara?' Mr Crewe asked. 'You are very quiet.' He put his arm round his daughter.

'I'm thinking about our house in India,' said Sara. 'And the hot sun and the blue sky. I don't think I like England very much, Father.'

'Yes, it is very different from India,' her father said. 'But you must go to school in London, and I must go back to India to work.'



O_O

Jane Eyre (với vốn từ 2500)

Thornfield Hall became quite busy the next day, now the master had returned. People kept coming to visit him on business. I enjoyed the new, cheerful atmosphere. But I could not make Adele to concentrate on her lessons because she was constantly talking about the presents Mr Rochester had promised to bring her. That evening we were invited to have tea with him. I immediately recognized the traveller I

had helped, with his dark hair and skin, his square forehead and his stern look. His leg was supported on a chair, but he made no effort to greet me when I entered. In fact he neither spoke nor moved.

Nghe qua hai đoạn chắc các bạn đã có cảm giác ngay về độ khó dễ khác nhau, cả về phát âm lẫn từ vựng.

No pain, no gain

Như vậy với vốn từ 2500 từ, theo hệ *Oxford Bookworms Library*, hoặc 2075 từ theo hệ *L.A. Hill* chúng ta đã đủ để giao tiếp thông thường thông qua nghe nói. Tất nhiên trong cuộc sống hàng ngày, khi nói chuyện chúng ta có thể gặp một số từ chuyên môn, như từ về bệnh tật (*diseases*) như **rheumatism (bệnh thấp khớp)**, dụng cụ gia đình (*household appliances & utensils*) như *carpet sweeper* (chổi hút bụi thảm) hoặc thiết bị nơi làm việc (*office equipment*) như *letter tray* (khay đựng công văn), v.v. Những từ này thường không nằm trong vốn từ cơ bản. Tuy nhiên điều đó không quan trọng ở chỗ, những từ ấy thay đổi theo các tình huống khác nhau, và thường dễ bổ sung dưới nhiều hình thức khi cần dùng đến.

Việc tăng cường vốn từ vựng có thể thực hiện dưới nhiều hình thức chứ không phải chỉ có phương án đọc sách. Chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này.

Thầy giáo Phạm Duy Trọng

Truyện và kịch là hai phương án khác nhau. Nếu anh đọc kịch thì đó chính là anh đọc được cách nói của người bản ngữ. Nếu anh đọc truyện thì đó chính là nâng cao về cách chia động từ. Bây giờ có rất nhiều loại sách truyện.

Chúng ta đã từng gặp những chương trình trên truyền hình như Sing to Learn (Hát để học), Learn English through Games (Học tiếng Anh qua các trò chơi). Đây cũng là những hình thức bổ xung vốn từ vựng.



Đối với hình thức ngoài chính khoá, chúng ta có hình thức tăng cường từ vựng thông qua đọc sách theo từng trình độ. Ngoài ra còn có nhiều hình thức như: học hát, tập đọc thơ, chơi trò chơi.

VTV-2 phát sóng Sing to Learn và Learn English through Games. Hình thức học hát quá quen thuộc nhưng nó không nhàm chán. Nhiều người, cả người lớn tuổi lẫn thanh niên còn đam mê nữa. Bài hát nào chẳng có từ hay, câu nói hay

mà chúng ta thích. Nhiều thanh niên mới yêu còn dùng nó để trích dẫn gửi thư cho người yêu. Đấy cũng là học từ. Bài tình ca nào chẳng có từ "love", rồi hơi thở (breath), rồi cuộc đời (life), rồi tâm hồn (soul), rồi da diết (passion), v.v. Gặp những từ này trong bài hát, mà lại là bài hát mình ưa thích thì chắc chẳng bao giờ có thể quên.

B. Listen for pleasure

Chúng tôi xin giới thiệu một bài hát để để chúng ta cùng thưởng thức sau những giờ học căng thẳng, nhưng cũng là để tăng cường vốn từ, kể cả vốn từ dành cho tình yêu lý tưởng, cả vốn từ dùng cho đời thường. Xin giới thiệu bài *Whole again*.

O_O

WHOLE AGAIN - Atomic Kitten

If you see me walking down the street,
staring at the sky and dragging my two feet,
you just pass me by, it still makes me cry
but you can make me whole again

If you see me with another man
laughing and joking, doing what I can
I won't put you down 'cause I want you around
you can make me whole again

[chorus]

Looking back on when we first met
I cannot escape and I cannot forget
Baby, you're the one
You still turn me on
You can make me whole again

Time is laying heavy on my heart
seems I've got too much of it
Since we've been apart
My friends make me smile
If only for a while
You can make me whole again

[chorus]

[spoken]

So now I'll have to wait
But baby, if you change your mind
Don't be too late
'Cause I just can't go on
It's really been too long
But you can make me whole again

[chorus x 2]

Baby you're the one
You still turn on me
You can make me whole again

Đây là một bản tình ca, một tâm sự của một người đang yêu. Những ngôn từ bình dị như : *dragging my feet down the street* (kéo lê đôi chân trên đường phố) trong đời sống thường nó tạo ra một hình ảnh chán chường, bê tha. Nhưng trong một bản tình ca nó lại làm bộc lộ tâm sự buồn nhớ. Kéo lê chân không phải là lê chân thực sự, mà là những bước đi chầm chậm, nặng nề, trong lúc tình cảm đang mất mát. Trong những giây phút ấy niềm mơ ước vẫn luôn luôn ám ảnh rằng *you can make me whole again* (em vẫn có thể làm cho anh hoàn thiện, làm cho anh đầy đủ tình cảm).

Cả một hình ảnh tuy buồn nhưng lãng mạn: một người bước đi trên đường phố (*walking down the street*), nhìn chằm chằm lên bầu trời không chủ định (*staring at the sky*), kéo lê đôi chân (*dragging my two feet*), buồn khóc (*makes me cry*). Nhưng vẫn nghĩ rằng anh là người có thể bù đắp được đầy đủ cho em. (*But you can make me whole*).

Cả một bài hát cứ quanh quẩn với nỗi buồn da diết là anh vẫn là người có thể bù đắp đầy đủ được cho em cơ mà, nhưng sao lại thế.

Chúng ta thấy những câu không tầm chương trích cú nhưng vẫn nói lên được cái vòng luẩn quẩn này: ví dụ không thể quên được ngày mới gặp nhau (*I can't forget when we first met*), rồi, thời gian trôi đi nặng nề trong lòng anh (*time is laying heavy on my heart*), rồi, anh đã phải chịu đựng quá nhiều (*I've got too much of it*), v.v. rồi cuối cùng vẫn là: *you can make me whole again*.

Hát xong bài này, không những chúng ta thưởng thức được một giai điệu êm dịu mà còn có thể lấy cái bình dị của ngôn từ ứng dụng vào các cuộc giao tiếp hàng ngày. Ví dụ: *to walk down the street, to make me cry, to look back on when we met*. Chúng ta

còn học được lối nói rất Anh. Ví dụ khi muốn nói rằng mình phải chịu đựng gì đó, không nên dùng từ *suffer* (vì nó có nghĩa khác), mà nói là *I've got too much of it*. Hoặc khi ta muốn nói "thay đổi ý kiến" thì không phải lúc nào cũng là *opinion* mà có thể nói *to change one's mind*.

3. KỸ THUẬT NGHE TRỌNG ÂM (LISTEN FOR STRESSES)



A. Listen for Study

Đối với người Việt khi nghe tiếng Anh, chúng ta có một số thói quen cần phải thay đổi. Ví dụ đối với một câu tiếng Anh như:

John was driving through the town of Vale one morning.

Chúng ta thường hay tìm cách nghe cho ra từng từ trong câu. Ngược lại cách nghe của người Anh là nghe trong âm, tức là nghe những từ quan trọng trong câu.

Nói đến yêu cầu nghe trọng âm thì thế nào là nghe trọng âm? Trong một câu có những từ quan trọng và những từ không quan trọng. Thông thường người Anh khi nói chỉ nhấn vào những từ quan trọng; nhấn vào tức là nói to hơn, rõ hơn và cao hơn các từ khác trong câu. Đó là lối nói theo kiểu đánh điện tín (*telegraph*). Ví dụ trong một bức điện như *Về nhà ngay có khách chờ* cái quan trọng là gì? Đó là *về nhà ngay*, còn *có khách chờ* thì nói cũng được mà không nói cũng được. Trong ba từ *về nhà ngay* cái gì là quan trọng? *Về ngay!*, thậm chí chỉ cần một từ *Về!* Đó là lối nói có trọng âm. Một ví dụ khác, khi muốn nói *Ngày mai chúng ta sẽ ký hợp đồng* (*We will sign the contract tomorrow*), câu chỉ có ba trọng âm: *sign ... 'contract ... to'morrow*. Người nghe cũng chỉ cần nghe như vậy là hiểu được ý nghĩa của toàn câu.

Bài tập 1: Chúng ta nghe một đoạn ngắn trích trong phim Snow Queen. Hãy bắt trọng âm của từng câu.

O_O

Câu thứ nhất: *Kai, your hours will be from dawn until the last guest goes to bed.*

Trong câu này những từ có trọng âm là:

Kai ... hours ... dawn ... last guest ... goes ...bed...

Nghĩa là: Kai, giờ làm việc của anh từ sáng sớm đến khi người khách cuối cùng đi ngủ

Câu thứ hai: *If my guests decide to stay up all night, so shall you.*

Trong câu này những từ có trọng âm là:

guests ... decide ... up ... night ... so ... you....

Nghĩa là: Nếu khách của ta thức cả đêm thì anh cũng phải thức.

Câu thứ ba: *When I summon you, you will be here before this bell stops ringing.*

Trong câu này những từ có trọng âm là:

when ... summon ... be ... before .. bell ... stops .. ringing

Nghĩa là: Khi ta gọi anh thì anh phải có mặt ở đây trước khi tiếng chuông tắt.

Câu thứ tư: *No matter where you are, no matter what you are doing ... do you understand?*

Trong câu này những từ có trọng âm là:

no matter... where ... matter ... what ... doing...

Nghĩa: Dù cho anh đang ở đâu, dù cho anh đang làm gì. Hiểu không?

Câu thứ năm: *Kai, tardiness, in any shape or form, will not be tolerated.*

Do you understand?

Trong câu này những từ có trọng âm là:

tardiness ... any shape ... form ... not ... tolerated

Nghĩa: Kai này, chậm trễ, dù là kiểu gì cũng không được tha thứ đâu đấy, nghe chưa?

Bài tập trên đây là quy trình luyện xuôi: người nói phát ra câu đầy đủ, trong đó nhấn mạnh vào những từ quan trọng trong câu, người nghe chỉ nắm bắt những từ quan trọng đó để đoán nghĩa toàn câu.

Chúng ta có một loại hình bài tập ngược lại là nghe một số từ, dừng lại nghĩa của toàn thông điệp. Những từ cho sẵn chính là những trọng âm câu.

Ví dụ:

Cho sẵn những từ sau đây: ... *all ... friends ... school ... attended ... sports events* (tất cả ... bạn ... trường ... tham gia ... sự kiện thể thao)

Dựng lại nghĩa của thông điệp:

Tất cả các bạn tôi ở trường đều tham gia sự kiện thể thao này.

Cho sẵn những từ sau đây: ... *few days later ... he ... went home ... big... nice... dog...* (vài ngày sau ... nó ... về nhà ... con chó... to. đẹp...)

Dựng lại nghĩa của thông điệp:

Mấy ngày sau nó về nhà mang theo một con chó to và đẹp.

Chúng ta có thể đặt câu hỏi: Vậy mình phải biết hết những từ quan trọng trong câu thì mới hiểu được?

Điều đó là tất nhiên. Ví dụ *Get me a hook, please* (Cho tôi xin cái đinh móc). Nếu trong câu này chúng ta không biết từ *hook* (đinh móc) thì rõ ràng không hiểu người nói muốn mình đưa cho anh ta cái gì. Cũng có khi chúng ta không hiểu một vài từ nhưng vẫn hiểu cả câu, nếu từ đó không phải là từ quan trọng nhất. Trong trường hợp này người nghe đã phải rất quen với kỹ thuật nghe trọng âm, và có khả năng đoán nghĩa qua văn cảnh, tình huống.

Vậy quy trình hiểu một thông điệp qua nghe có hai bước:

1. Nắm bắt những từ có trọng âm câu.
2. Ghép nghĩa của các từ có trọng âm ấy lại với nhau để đoán nghĩa cả câu.

Hai quy trình này xảy ra trong tích tắc. Vì thế ngay từ đầu chúng ta phải luyện một cách kiên trì. Người Anh có câu:

A good beginning makes a good ending.
(Bắt đầu tốt thì sẽ có kết cục tốt.)

No good building without a good foundation.
(Không có ngôi nhà vững chãi nào lại không có móng tốt.)

Nếu ngay từ lúc đầu chúng ta không luyện cẩn thận thì sẽ lại quay trở lại thói quen cũ là nghe từng từ.

Khi vào thực tiễn giao tiếp chúng ta sẽ thấy có hai cái khó: một là người Anh nói

rất nhanh, và hai là không phải người Anh sẽ nhấn mạnh vào những trọng âm câu thật to thật mạnh. Với một câu: *I've never been fond of running*, trọng âm câu rơi vào *fond* và *running*, nhưng hai từ này cũng không đọc là /fɒnd/ và /rʌnɪŋ/. Họ nói tự nhiên hơn, nghĩa là có nhấn mạnh nhưng không dồn mạnh vào trọng âm.

Nghe trọng âm là một khó khăn lớn nhất của người Việt học tiếng Anh, giống như nghe thanh điệu tiếng Việt đối với người nước ngoài là người Châu Âu: *ma, má, mà, mả, mã, mạ*. Người Việt nghe tiếng Anh cũng như người Anh nghe tiếng Việt đòi hỏi người học phải thay đổi thói quen nghe mà họ đã sử dụng từ ngày lọt lòng.

Kiểu nghe trọng âm này giúp ta giảm nhẹ gánh nặng phải nghe những từ không quan trọng trong câu. Đặc biệt nó giúp ta giảm nhẹ công sức khi nghe những câu có trọng âm tương phản, tức là người nói chỉ nhấn mạnh vào yếu tố mới xuất hiện mà thôi. Ví dụ một bạn nào đó cầm nhầm cái hộp bút của mình. Nếu muốn đòi lại, bạn chỉ cần nói: *This is MY case*, để tỏ rõ đây là hộp bút của tôi chứ không phải của bạn. Và người nghe cũng chỉ cần nghe một từ MY là hiểu được ý đồ của người nói.

Để tiếp cận với lối nói tự nhiên của hai người Mỹ nói chuyện với nhau, chúng ta cùng xem một câu trích trong phim *Snow Queen*. Lúc này Kai, người phục vụ, của khách sạn *White Bear Hotel* không đi bình thường mà trượt đi trượt lại như trượt băng trên sàn khách sạn, ông chủ khách sạn mắng. Chúng ta nghe xem ông chủ nói gì.

Not acceptable. Not in the White Bear Hotel. Do it the proper way.

Trong câu này những từ có trọng âm là:

ac'ceptable ... not... White Bear Hotel ... Do ... proper way ...

Nghĩa là: Kiểu ấy không được chấp nhận trong khách sạn White Bear. Phải có thái độ đúng đắn.

Bài tập 2: Bây giờ chúng ta lại nghe hai người Kai và cô Gerda / gɜː'da/ nói chuyện. Họ nói rất nhanh. Trong mỗi câu chỉ nhấn vào một hai từ quan trọng.

O_O

Kai: Hello.
Gerda: Oh, hello. Look at those. Aren't they beautiful?
Kai: They are gorgeous. Why don't you buy them?
Gerda: Oh, I don't need them. I was just admiring them.

Trong câu Gerda bảo Kai nhìn đôi giày trong tủ kính, "*Look at those*", chúng ta chỉ nghe thấy có hai từ *look* và *those*. Còn câu tiếp theo của Gerda

Aren't they beautiful?

Chúng ta chỉ nghe thấy một âm tiết: *beau-*

Kai nói: *Why don't you buy them?*

Chúng ta chỉ nghe thấy từ *buy*

Và cuối cùng Gerda nói: *Oh, I don't need them. I was just admiring them.*

Chúng ta chỉ nghe thấy có hai từ nói rõ, đó là: *need* và *admiring*

Với những trọng âm bắt được, kết hợp với văn cảnh, chúng ta có thể hiểu được nội dung thông điệp.

Nghe trọng âm để hiểu lời nói quả thật rất khó khăn. Nhưng khi gặp khó khăn chúng ta thường thấy có những yếu tố giúp chúng ta vượt qua được. Ở đây yếu tố đó là văn cảnh, là tình huống giao tiếp. Chẳng hạn khi nghe câu sau đây, phi văn cảnh thì rất khó hiểu.

Minna: *Ah, he'll come around. You know he's been unhappy for so long, he's bound to sooner or later.*

Nhưng nếu biết được tình huống là *Kai đang rất thích Gerda, cha của cô rất buồn phiền vì trong một đêm đi trượt tuyết, mùa đông đã cướp đi mất người vợ của ông* thì câu nói đó trở nên rất dễ hiểu.

O_O

Minna: I think she likes you.

Kai: I uh ... I ...

Minna: It's all right, Kai. You and Gerda would make a splendid couple.

Kai: I'll tell her father that.

Minna: Ah, he'll come around. You know he's been unhappy for so long, he's bound to sooner or later.

Kai: Minna, why is it that Gerda hates the winter so much?

Minna: It took her mother's life and her Father's joy. All in one night.

Tình huống rõ ràng đã tạo điều kiện cho chúng ta đoán nghĩa của các câu hội thoại. Và do đó chúng ta chỉ cần nghe trọng âm câu là có thể đoán ra nghĩa của toàn câu chuyện. Chẳng hạn trong đoạn hội thoại trên chúng ta chỉ cần nghe

... likes ...
... all right ... You and Gerda ... splendid couple...
... tell ... father ... that...
... come ... unhappy ... so long ... bound to ... sooner or later...
... why ... Gerda ... hates ... winter ... much...
... took ... mother's life ... Father's joy.
... all ... one night...

Vậy trọng âm câu cùng với tình huống đã giúp chúng ta vượt qua khó khăn.

Trong môi trường bản ngữ, điều kiện xã hội giúp cho chúng ta rất nhiều trong việc xây dựng và nâng cao năng lực hiểu tiếng Anh qua nghe. Thực ra môi trường tự nhiên ấy đương nhiên vừa đòi hỏi, vừa tạo dựng cho chúng ta năng lực này. Tuy nhiên, khi chúng ta học trong môi trường phi bản ngữ, tức là môi trường xung quanh ta, ngoài xã hội tiếng Anh không được dùng để giao tiếp, thì năng lực này có lẽ khó tạo dựng nhất. Cũng chính vì thế chỉ có học đúng hướng mới giúp ta thành công.

B. Listen for Pleasure

Có lẽ chúng ta đã cảm thấy căng thẳng với những bài tập nắm bắt trọng âm câu. Chúng ta không thể vội, không thể xây lâu dài qua một đêm. Xin hãy cùng thưởng thức một bài hát có tên *Greatest Love of All* do ca sĩ *Whitney Houston* biểu diễn.



GREATEST LOVE OF ALL (Whitney Houston)

I believe the children are our future
Teach them well and let them lead the way
Show them all the beauty they possess inside
Give them a sense of pride to make it easier
Let the children's laughter remind us how we used to be
Everybody searching for a hero
People need someone to look up to
I never found anyone who fulfill my needs
A lonely place to be
So I learned to depend on me

[Chorus]

I decided long ago, never to walk in anyone's shadows

If I fail, if I succeed
At least I'll live as I believe
No matter what they take from me
They can't take away my dignity
Because the greatest love of all
Is happening to me
I found the greatest love of all
Inside of me
The greatest love of all
Is easy to achieve
Learning to love yourself
It is the greatest love of all
I believe the children are our future
Teach them well and let them lead the way
Show them all the beauty they possess inside
Give them a sense of pride to make it easier
Let the children's laughter remind us how we used to be

[Repeat Chorus]

And if by chance, that special place
That you've been dreaming of
Leads you to a lonely place
Find your strength in love.

Nghe qua nội dung có thể hiểu được đây là bài hát nhắn nhủ chúng ta lo cho thế hệ tương lai, những trẻ nhỏ ngày nay. Trong bài này tác giả nói đến tình cảm và trách nhiệm của người lớn đối với thế hệ tương lai: dạy dỗ và tạo hướng đi cho đàn con cháu.

Teach them well and let them lead the way

Hãy cho trẻ thấy được cái đẹp mình đang có trong con người mình.

Show them all the beauty they possess inside (trong lòng mình, trong tư tưởng của mình)

Hãy tạo ra những niềm tự hào đáng có

Give them a sense of pride to make it easier

Và có như thế mới chẳng bao giờ phải dẫm chân lên bóng râm của người khác mà đi.

never to walk in anyone's shadows

Và chẳng có ai có thể tước đi phẩm giá của mình.

They can't take away my dignity

Rồi thì thành công hay thất bại, con cháu chúng ta vẫn được sống bằng lòng tin của mình.

At least I live as I believe.

Phần lớn những câu sử dụng ở đây là những câu mà ngữ pháp gọi là *yêu cầu, đề nghị (request)*, ví dụ như *Teach them... Show them ... Give them ... Never to do smth ...*

Đồng thời tác giả đã dùng những câu tường thuật để tâm tình rằng ai chẳng tìm cho mình một người anh hùng, ai chẳng tìm kiếm một người để ngưỡng mộ.

*Everybody searching for a hero
People need someone to look up to.*

Nhưng đừng bao giờ nên chờ đợi người nào đấy đứng ra đáp ứng cho mình mọi điều mong ước. Hãy dựa vào chính mình để làm điều đó.

*I never found anyone who fulfill my needs
So I learned to depend on me.*

Tác giả đã vừa nói với chính mình, thế hệ của mình, vừa nói với thế hệ sau.

4. NGHE LẤY THÔNG TIN CHÍNH (LISTEN FOR GIST)



A. Listen for study

Khi giao tiếp cũng có người bộc lộ ý định của mình một cách rõ ràng, và cũng có người nói loanh quanh, dài dòng làm cho người nghe phải phân tích, chọn lọc mới biết được ý đồ của người nói. Muốn biết được người nói truyền đi thông điệp gì thì chính chúng ta phải sử dụng kỹ thuật nghe lấy ý chính (*listen for gist*).

Phóng viên Tô Phương Thủy - Báo Lao Động

Các bạn phải tăng cường thêm khả năng giao tiếp, chẳng hạn các bạn sinh viên có thể ra Bờ Hồ, Quốc Tử Giám và đến những nơi có nhiều khách du lịch để nói chuyện với họ. Có người ấn Độ nói tiếng Anh, người Philipin nói tiếng Anh, người Singapore nói tiếng Anh ... rất nhiều nước ngoài nói tiếng Anh. Dần dần chúng ta mới hiểu rằng tiếng Anh không chỉ có một giọng chuẩn ... giọng gốc ... như thế, còn có rất nhiều giọng khác. Nhưng khi chúng ta đã quen với gốc của tiếng Anh, thì sang môi trường khác chúng ta sẽ không bị bỡ ngỡ.

Hôm nay chúng ta bàn về kỹ thuật nghe lấy ý chính (*Gist listening*). Trước hết, xin mời các bạn nhắm mắt lại, thở đều. Hãy tưởng tượng bạn đang đi qua một khu vườn trong một ngày đẹp trời. Các bạn nhắm mắt lại nào.

O_O

Walking in the Park

You are going to take a walk through a park. It is a beautiful day. The sun is shining. The sky is blue. There is a slight breeze and the birds are singing. You feel wonderful and are very happy to be walking in the park. You look into the distance and can see green grass on the soft rolling hill. As you look around you you can see lots of trees and some flowers around the fountain. As you get closer to the fountain you can smell the red and pink flowers. They are so sweet. The fountain makes such a peaceful sound. You enjoy just standing there and looking at the water pour out the top of the fountain

Nếu chúng ta nghe bài này trong một khung cảnh tĩnh lặng, nhắm mắt lại, thở đều đều, thì hình ảnh ánh nắng vàng, bầu trời xanh, làn gió nhẹ, tiếng chim hót, dòng nước chảy sẽ lần lượt hiện ra trước mắt ta. Hơn thế nữa mùi hương thơm của cỏ cây hoa lá sẽ hình như phảng phất trước mũi ta.

Để có thể có được những hình ảnh đó, tất nhiên chúng ta phải có khả năng nắm bắt ý chính của bài miêu tả. Vậy ý chính là gì?

Khi chúng ta nghe bất cứ điều gì bao giờ chúng ta cũng có ý thức chọn lọc ra những

điều quan trọng nhất mà người nói muốn chuyển tải đến người nghe. Đó là ý chính.

Khi nghe tiếng Anh, ý chính của câu thể hiện bằng những từ quan trọng có trọng âm trong câu. Đây là ở cấp độ câu. Câu nào cũng có nghĩa của nó. Nhưng khi ghép các câu vào trong một đoạn thì không phải câu nào cũng là ý chính. Chỉ có những câu quan trọng mới mang nghĩa chính. Ví dụ một người bạn trai nói loanh quanh với người bạn gái của anh ta rằng hôm nay trời đẹp, ở nơi này, nơi kia có chỗ du lịch vui lắm, v.v. và trong đó có một câu là “Chủ nhật này bọn mình đi chơi xa đi.” Thì câu này là ý chính. Mục đích cuối cùng của người con trai là mời bạn gái đi chơi.

Khó hơn thế nữa là không phải trong bất cứ thông điệp nào cũng sẽ luôn luôn có một hoặc hai câu thể hiện ý chính, vì có thông điệp phải tổng hợp ý nghĩa của tất cả các câu trong đó mới toát lên ý chính. Ví dụ một người bạn khi nghe ta kể về chuyến đi thăm London của ta, đưa ra một vài lời bình luận như phong cảnh London thật là độc đáo, thật là đẹp, bạn thật là may mắn, v.v. và kết luận rằng “Không phải ai cũng có cơ hội được đến đó.” Vậy thì ý chính của những lời đó không phải là sự miêu tả thành phố London, không phải là chúc mừng sự may mắn, mà là sự bày tỏ ước mơ của mình muốn đến thăm London. Đây chính là những bình diện khó trong nghe hiểu.

Vậy thì, làm thế nào để chúng ta nắm được ý chính của người nói chuyện với mình trong giao tiếp?

Chúng ta có những loại hình rèn luyện như loại bài tập có tên gọi *Which sentence tells the main idea?* (Câu nào thể hiện ý chính?)

Bài tập 1: Trong một số câu, có một hoặc hai câu thể hiện ý chính. Chúng ta nghe năm câu. Hãy tìm xem câu nào trong năm câu ấy thể hiện ý chính của toàn đoạn.

O_O

This is our school. We're students in this school. Those are our teachers. That is our cafeteria. We like our school. (Đây là trường tôi. Chúng tôi học sinh. Kia là các thầy cô. Kia là nhà ăn. Chúng tôi yêu trường.)

Đáp án của chúng ta là ngay câu đầu *This is our school*. Rõ ràng bốn câu kia chỉ nói rõ thêm trường của bạn như thế nào mà thôi.

Bài tập 2: Hãy tìm xem câu nào trong những câu sau đây thể hiện ý chính của toàn đoạn. Hãy chọn một trong ba đáp án cho sẵn.

O_O

That student is a good student. He goes to school early with his books and notebooks. He always has paper and a pencil. His teachers like him.

- A. He always has paper and a pencil.*
- B. He goes to school early.*
- C. That student is a good student.*

Đáp án: câu thứ nhất, tức là đáp án C: ***That student is a good student.***

Hai câu A và B chỉ là những câu nói thêm về cậu học trò này cho biết cậu ngoan như thế nào thôi.

Bài tập 3: Hãy tìm ra câu nào thể hiện ý chính trong bản tin sau đây. Bản tin nói về một người lái xe buýt. Chọn đáp án đúng trong ba đáp án cho sẵn sau đây:

- A. He thought his passengers were, too.*
- B. "We had a very nice time, but we were late for dinner"*
- C. A bus driver drove off with fifty passengers today.*

O_O

A bus driver drove off with fifty passengers today. The bus driver, Larry Fern, 39, said that he was tired of driving on the same street, and thought his passengers were, too. Yesterday afternoon at four o'clock, he left main street and drive twenty miles out of the city. Mr Jones, a passenger, said, "We had a very nice time, but we were late for dinner."

Đáp án của chúng ta là C, tức là ngay câu đầu tiên của bản tin.

- A. He thought his passengers were, too.*
- B. "We had a very nice time, but we were late for dinner"*
- (C). A bus driver drove off with fifty passengers today.***

Tin chính là một chàng lái xe buýt đưa khách ra xa khỏi thành phố. (Một tin giật gân vì xe buýt chỉ đưa khách chạy quanh thành phố mà thôi). Những ý như người lái xe 39 tuổi, anh ta chán lái xe trong thành phố, và nghĩ rằng khách đi xe cũng chán như anh, nhưng thực ra khách không hài lòng ... chỉ là những ý miêu tả quá trình xảy ra việc đó, dẫn dắt đến sự kiện xảy ra hôm qua: anh ta đưa khách ra khỏi thành phố 20 dặm. Đây là ý chính.

Chúng ta vừa làm bài tập nghe và tìm ra một câu trong đoạn nghe thể hiện ý chính. Bây giờ chúng ta vẫn nghe lấy ý chính nhưng trong đoạn nghe không có một, hai câu cụ thể nào thể hiện ý chính mà phải tổng hợp toàn bài để tìm ra ý chính.

Bài tập 4: *What is the main idea?*

O_O

A factory can be an interesting place to work. Joan's mother works on a machine and has a lot of time off. She has a coffee break every morning and every afternoon, and a full hour for lunch.

On her breaks and at lunch, Joan's mother talks to her friends who work in the factory, too. They talk about their families and their jobs. Joan's mother says, "The work isn't hard, and I enjoy seeing my friends." She likes working in the factory.

Hãy chọn đáp án đúng trong ba đáp án sau đây:

- A. Joan's mother likes the work because it's easy, and it's interesting to see her friends.*
- B. Joan's mother likes the work because she uses a machine.*
- C. Joan's mother talks to her friends in the factory.*

Một trong những kinh nghiệm chọn đáp án là trong khi nghe, thấy đáp án nào có vẻ đúng là phải chọn ngay. Nếu để nghe hết rồi mới nghĩ lại để chọn đáp án thì chúng ta không thể nhớ hết để lựa chọn được nữa.

Đáp án đúng là:

- A. Joan's mother likes the work because it's easy, and it's interesting to see her friends.*
- B. Joan's mother likes the work because she uses a machine.*
- C. Joan's mother talks to her friends in the factory.*

Nội dung đoạn đọc bộc lộ một điều là mẹ của Joan đi làm ở nhà máy, tuy đứng máy nhưng rất thoải mái: sáng chiều có giờ nghỉ uống cà phê, ăn cơm trưa một tiếng đồng hồ, nói chuyện với các bạn về gia đình, về công việc. Công việc thì không nặng nhọc và bà rất vui vì nhiều bạn bè. Với một không khí như vậy thì rõ ràng người kể chuyện muốn nói lên một điều là mẹ của Joan rất thích công việc này vì nó vừa nhẹ nhàng vừa thú vị.

Qua các bài tập trên chúng ta thấy khi nghe cần có mục đích rõ ràng. Đây cũng chính là yếu tố đòi hỏi chúng ta phải tìm kiếm kỹ thuật thích hợp để đáp ứng yêu cầu của mình.

B. Listen for pleasure

Trong những cuộc giao tiếp hàng ngày chúng ta thường hay nói cần phải bắt được ý của người khác thì cuộc hội thoại mới trôi chảy được. Nhưng trong cuộc sống chúng ta còn nhiều loại hình cần nắm bắt ý của người nói, nhưng lại là loại hình rất khó. Ví dụ nghe thưởng thức thơ. Chúng ta hãy nghe một bài thơ, ghi nhớ nội dung chính của nó.

O_O

JERUSALEM

William Blake

And did those feet in ancient time
Walk upon England's mountains green?
And was the holy Lamb of God
On England's pleasant pastures seen?

And did the Countenance Divine
Shine forth upon our clouded hills?
And was Jerusalem builded here
Among these dark Satanic mills?

Bring me my bow of burning gold!
Bring me my arrows of desire!
Bring me my spear! O clouds unfold!
Bring me my chariot of fire!

I will not cease from mental fight,
Nor shall my sword sleep in my hand
Till we have built Jerusalem
In England's green and pleasant land.

Nghe qua một lượt chúng ta có thể cảm nhận được rằng đây là bài thơ nói lên tấm lòng của con chiên đối với Chúa. Hình ảnh thành Jerusalem là hình ảnh tôn thờ Chúa. Tuy nhiên bài thơ nói lên những tâm tình gì?

Để nắm bắt được thông điệp chính của nhà thơ, chúng ta cần kiến thức về lịch sử, tôn giáo, hình ảnh nước Anh qua từng thời kỳ. ... Chúng ta đã biết đại đa số người Anh theo đạo Thiên Chúa. Biểu tượng các nước trong Britain cũng là biểu tượng của một vị thánh: England (St. George), Scotland (St Andrew), Wales (St. David) và Ireland (St. Patrick). Hình ảnh Jerusalem là hình ảnh đất thánh. Trong đoạn đầu của bài thơ,

William gợi lên hình ảnh của nước Anh, kèm theo một cái gì đó thiêng liêng, đặc trưng là cảnh những con cừu gặm cỏ trên những đồng cỏ thanh bình.

*And did those feet in ancient time
Walk upon England's mountains green?
And was the holy Lamb of God
On England's pleasant pastures seen?*

Có phải chăng những bàn chân ngàn xưa ấy
Đã bước đi trên núi đồi Anh quốc?
Và có phải con Cừu thiêng của Chúa
Đang gặm cỏ trên đồng cỏ xanh tươi?

Qua khổ thơ thứ hai William vẫn tiếp tục dòng tư duy của mình bằng những câu tự vấn. Jerusalem là một hình ảnh của Chúa trong lòng người dân Anh. Tác giả cũng nêu lên hình ảnh cối xay gió. Ở Anh xa xưa, cối xay gió là một công cụ rất phổ biến. Bây giờ cũng vẫn còn, nhưng ở nhiều nơi hình dáng có nhiều thay đổi. Cối xay gió thường đặt ở những nơi như trên đồng cỏ và những nơi hoang vắng. Nhìn nó ta thấy một vòng tròn to trong đó có cánh quạt quay trên một cái cột. Tất cả đều sơn một màu xám xẫm. Cối xay gió có một cái gì đó gần gũi với người nông dân. Nhưng vào lúc hoàng hôn, cối xay gió trông như một người khổng lồ dữ tợn, như Xa tăng, nhất là đối với trẻ con. Nó trở thành những kỷ niệm thời thơ ấu của nhiều người Anh.

Chú thích: Về mặt ngôn ngữ chúng ta gặp động từ *build* dùng theo cách cổ là thêm -ed để thành dạng quá khứ: *builded*: *was Jerusalem builded*. Trong tiếng Anh hiện đại, quá khứ của *build* là *built*.

*And did the Countenance Divine
Shine forth upon our clouded hills?
And was Jerusalem builded here
Among these dark Satanic mills?*

Có phải những Thiên thần Thanh thần
Rọi chiếu lên núi đồi mây phủ?
Và có phải Jerusalem xây cất ở đây
Bên cạnh lũ Xa tăng đen ngòm xay gió ấy?

Đoạn tiếp theo gợi lại cho chúng ta hình ảnh những cuộc chiến tranh ngày xưa của nước Anh. Thường những cuộc chiến tranh gắn liền với tôn giáo. Nổi tiếng trong lịch sử Anh là cuộc “Chiến tranh Hoa hồng” (The War of the Roses) từ năm 1455 đến năm 1485 (30 năm). Thực chất đây là cuộc chiến tranh giữa phái Lancastrians (biểu tượng

của họ là hoa hồng đỏ), và phái Yorkists (biểu tượng là hoa hồng trắng). Rồi vào thế kỷ thứ 16, quyền lực gắn rất chặt với Thiên Chúa giáo. Gắn chặt tới mức vào đầu thế kỷ thứ 17, thời kỳ vua James Đệ nhất, có một số âm mưu giết vua vì vị vua này “không Thiên Chúa giáo lắm” (tiếng Anh: *not Catholic enough*). Nổi tiếng nhất là âm mưu của Guy Fawkes, gọi là Gunpowder Plot, vào năm 1605, một âm mưu đặt bom dưới hầm làm nổ tung nhà Nghị viện, nhưng kẻ phản nghịch (Guy Fawkes) bị bắt, âm mưu không thành.

*Bring me my bow of burning gold!
Bring me my arrows of desire!
Bring me my spear! O clouds unfold!
Bring me my chariot of fire!*

*I will not cease from mental fight,
Nor shall my sword sleep in my hand
Till we have built Jerusalem
In England's green and pleasant land.*

Hãy đưa ta chiếc cung vàng nóng bỏng!
Hãy đưa ta những mũi tên nguyện ước!
Hãy đưa đây, thanh giáo của ta! Ôi những bóng mây trải dài vô tận!
Và kia nữa song luân mã hoả chiến xa rực lửa!

Chẳng thể nào dừng cuộc chiến tâm linh
Và kiếm dài sao yên ngủ trong tay
Khi thành ấy, Jerusalem, còn chưa thấy
Trên Anh Quốc yên bình, thắm màu xanh.

Bài thơ này nó hàm chứa nhiều nội dung sâu xa, ý tưởng lớn của nhà thơ đặt vào bài thơ, chúng ta chưa bàn đến được. Ở đây, phục vụ cho mục đích nghe hiểu ý chính của một thông điệp, chúng ta mới chỉ nói đến những ý được thể hiện bằng những ngôn từ trên mặt giấy.

5. NGHE LẤY THÔNG TIN CHI TIẾT (LISTEN FOR DETAIL)



A. Listen for study

Trong bài hôm nay chúng ta bàn đến kỹ thuật nghe lấy thông tin chi tiết, hay còn gọi là thông tin phụ trợ cho thông tin chính *Listen for detail*, hoặc *Listen for supporting ideas*.

Giáo sư Tiến sĩ khoa học Phạm Trương Thị Thọ

Tôi đã xem chương trình truyền hình rất lâu, xem nhiều chương trình đã qua đi và lặp lại. Tôi nghĩ rằng lúc nào cũng chỉ có những chương trình dạy trình độ A, B thế này thì... Sau đó tôi thấy trên truyền hình bắt đầu có những chương trình nâng cao. Tôi rất là mừng, rất vui, tôi theo dõi và tôi học. Truyền hình cũng có những chương trình mới bổ ích. Nó nâng cao một bước giúp cho người học về ngôn ngữ hiện đại, hay khẩu ngữ. Thế cho nên khi nghe mình học được nhiều điều. Tôi rất là thích.

Sinh viên Nguyễn Minh Thu

Em thích nhất là phần thầy Hùng phân tích về ngôn ngữ sử dụng trong những bài hát. Thầy phân tích khá là hay.. Thầy nói về văn phong, về nội dung của bài hát đấy. Thường khi người Việt thường thức bài hát tiếng Anh, chỉ thưởng thức được giai điệu của bài hát, ít hiểu được nội dung và ngôn từ người ta dùng trong bài hát đấy. Thầy đã phân tích giúp chúng ta ý nghĩa của bài hát.

Bây giờ chúng ta nhắm mắt lại, thở đều đều, tưởng tượng bạn đang đi qua một khu vườn trong một ngày đẹp trời. Các bạn nhắm mắt lại nào.



A Beautiful Garden

I want you to see a beautiful garden. This garden is filled with green plants, big shade trees and many colourful flowers. As you walk through this lovely path you can smell the fragrance of many flowers. Breathe in deeply and smell the flowers. Their perfume is sweet and you enjoy the odour and the colourful flowers. You continue walking through the garden in the shade of the flowers and trees. The trees are filled with tiny blossoms and look so beautiful. You have never seen them look so pretty. A soft breeze is moving the branches in the swaying motions, and the leaves are gently fluttering on your steps. You can the breeze on your face. It is warm and soothing to you. You enjoy the warm breeze and the shade trees as you continue through the garden.

Chúng ta thấy đó là một khu vườn có nhiều cây to và nhiều hoa: hoa toả hương,

cây rợp bóng, cành lá đung đưa trong gió, gió nhẹ thổi trên mặt, v.v.

Để có thể có được những hình ảnh đó, chúng ta không chỉ nắm ý chính của bài. Ví dụ ý chính của bài này là miêu tả cảnh đẹp của một khu vườn. Nhưng đẹp như thế nào và cảm xúc của ta trước cảnh đẹp ấy thì lại phụ thuộc vào những điều miêu tả chi tiết. Để nắm được những chi tiết này khi nghe chúng ta cần đến kỹ thuật nghe lấy thông tin chi tiết *Listen for detail*.

Một điều chúng ta thường không hay quan tâm, đó là người nghe và người nói là một. Vậy để có thể nghe được tốt thì chúng ta lại phải quay trở lại cách tổ chức lời nói của người nói như thế nào.

Thông thường khi chúng ta muốn nói vấn đề gì, muốn trình bày về vấn đề gì bao giờ chúng ta cũng phải nói được ý chính một cách hết sức rõ ràng. Đối với người thầy giáo, đó là một dàn bài. Ví dụ như người thầy nói về một chủ đề nào đó thì bao giờ cũng viết lên trên bảng những ý gạch đầu dòng, đó là dàn bài, là ý chính cần chuyển tải trong bài dạy.

Sau những ý chính chúng ta phải có những ý phát triển ý chính. Đó chính là ý hỗ trợ. (*supporting ideas*). Với những ý phát triển thông thường người nói sử dụng những loại hình như miêu tả, phân tích, hay tranh luận. Mối quan hệ giữa ý chính và các ý hỗ trợ rất khăng khít nên chúng ta có nắm bắt được ý chính thì mới nắm bắt được các ý hỗ trợ. Trong các ý hỗ trợ có những ý quan trọng hơn và những ý ít quan trọng. Một ví dụ về sự phân biệt giữa ý quan trọng và ý không quan trọng. Khi nói đến chuyện đọc sách chúng ta thường nói là cần phải đọc sách để nâng cao trình độ về ngoại ngữ, đó là ý chính. Chúng ta phải *chọn những sách thích hợp với trình độ* của chúng ta, đây là ý hỗ trợ quan trọng. *Sách thích hợp với trình độ là sách gồm bao nhiêu từ vựng, bao nhiêu mẫu câu*. Đây là ý hỗ trợ quan trọng. *Ban đầu nên đọc sách có tranh minh họa*. Đây là ý hỗ trợ không quan trọng.

Với khái niệm này, chúng ta cần có sự luyện tập mới phân biệt được. Không phải lúc nào cũng dễ dàng nhận ra ý chính và ý hỗ trợ ý chính. Chúng ta có loại hình luyện tập như *Which details are important?* (Chi tiết nào quan trọng?)

Chúng ta thấy rất rõ đối với một ý chính sẽ có nhiều ý hỗ trợ, tức là thông tin chi tiết về ý chính đó. Bài tập này giúp các bạn tìm ra những thông tin chi tiết quan trọng trong một câu.

Bài tập 1: Hãy tìm ra ý chi tiết quan trọng

☐_☐

There are three people at the bus stop. Mr Robert is a teacher. He's waiting for the Number Nine bus. Jessie and Donny are students. They are waiting for the Number Twelve bus.

Trước hết chúng ta thấy trong đoạn trên không có một câu cụ thể nào nói lên ý chính, nhưng toàn đoạn bộc lộ một quang cảnh chờ xe buýt. Đó là ý chính. Đồng thời tác giả cho chúng ta biết chi tiết hơn: ai chờ, chờ xe buýt nào.

Vậy chi tiết quan trọng của đoạn trên là *ở bến xe buýt này có hai xe buýt để lấy khách, đó là xe số 9 (Number Nine bus), và xe số 12 (Number Twelve bus)*. Còn những chi tiết như có ba người ở bến xe và ông Robert đi xe số 9, hai sinh viên đi xe số 12, là những chi tiết không quan trọng bằng.

Bài tập 2: Hãy tìm ra ý chi tiết quan trọng

☐_☐

Yesterday Mila and her mother went to a supermarket. "We have to take a bus to get there," said Mila's mother, but I like the meat there. The supermarket on our street doesn't have good meat." They waited at the bus stop for the Number Eight bus to go to the other supermarket.

Comprehension questions:

- A. Mila and her mother had to take a bus to the other supermarket..
- B. Mila's mother likes the meat in the other supermarket.
- C. They waited at the bus stop.

Chúng ta biết ý chính của đoạn này là hai mẹ con Mila đi siêu thị mua thịt. Các ý chi tiết nêu lên trong đoạn là: siêu thị ở trong phố không có loại thịt mà mẹ Mila thích. Hai mẹ con đi xe buýt sang siêu thị khác, xe buýt số 8. Hiện nay họ đang chờ ở bến xe buýt. Trong những ý chi tiết nói trên, chi tiết *phải đi xe buýt sang siêu thị khác* là quan trọng nhất vì nó trực tiếp quyết định đến ý chính: mua thịt ở siêu thị.

- C. They waited at the bus stop.

Nhà báo Đàm Minh Thụy

Nghe là tôi sợ nhất bởi vì tôi sợ tôi không hiểu người nước ngoài muốn nói gì. Các bạn cũng phải hiểu những kinh nghiệm như thế này. Khi hiểu mình rất chủ động và tự tin, còn nếu mình không hiểu thì mình rất bị động và lúng túng. Chúng ta có thể nói chưa tốt nhưng chúng ta sẽ cố gắng được. Nhưng nghe chưa tốt mà họ cứ nói, mình nghe không kịp, mình sẽ không hiểu; mà không hiểu thì chúng ta có thể đoán sai ý người nói. Trong công việc không hiểu thì quả là gay go.

Tôi nghĩ ... Theo tôi các bạn hãy lắng nghe, ví dụ khi ở nhà các bạn nghe đài, nghe truyền hình, ... có thể các bạn hiểu rất ít, ... chỉ hiểu khoảng 50 % nội dung chẳng hạn, nhưng nghe hoài, nghe mãi, nghe trong khung cảnh (tình huống) nghe, xem phim chẳng hạn. Nghe như thế nó tạo cho mình phản xạ rất là tốt. Nói chung khi mới nghe các bạn đừng sợ. Muốn không sợ thì các bạn cứ nghe.

Sinh viên Hà Thị Dung - Đại học Luật Hà Nội

Đối với nghe lấy thông tin thì mình phải nghe những keys. Nghe keys để trả lời câu hỏi và nghe được thông tin mình cần biết thôi.

Bài tập 3: Hãy nghe và tìm ra ý hỗ trợ quan trọng nhất (trong ba đáp án cho sẵn) trên cơ sở đã biết ý chính của thông điệp.

ý chính của thông điệp là:

Main idea: *The homework today is watching television*

Details:

- A. *The student went home from school.*
- B. *The teacher said that television is good for English.*
- C. *The student's father wants to know what the homework is.*

O_O

Yesterday our teacher said, "I want you to watch television tonight. Television is good for English". When I went home, my father said, "Where's your homework?" I said, "My homework is to watch television, Papi." He laughed and laughed.

Đáp án của chúng ta là B và C.

A. The student went home from school.

(B). The teacher said that television is good for English.

(C). The student's father wants to know what the homework is.

Câu thứ nhất (học sinh đi học về) không có liên quan gì lắm đối với ý chính. B và C là hai chi tiết quan trọng: câu B giải thích lý do tại sao thầy giáo lại giao bài tập về nhà là xem TV và câu C nói đến sự quan tâm của bố về bài tập ở nhà.

Nếu nói một cách lý tưởng, khi nghe chúng ta cần nghe được và nhớ được tất cả những ý hỗ trợ cho ý chính. Điều đó là bình thường đối với một người bản ngữ nghe tiếng mẹ đẻ của mình. Khi nghe vào ngoại ngữ, nó đòi hỏi phải khổ công luyện tập kỹ thuật tự rèn luyện năng lực nghe nắm bắt các ý phụ trợ cho một ý chính.

Quy trình của chúng ta bao giờ cũng là nghe lấy ý chính, rồi mới tìm kiếm những ý hỗ trợ.

Chẳng hạn, khi chúng ta nghe một bài nói chuyện về bảo vệ môi trường. Người ta đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường: đây là ý chính. Rồi sau đó diễn giả phát triển những ý cụ thể về biện pháp đó: đây là những ý phụ trợ. Giả sử ở một khu dân cư nào đó có một cái hồ rất là bẩn, nước có mùi tanh, rác rưởi trôi lềnh bềnh ... Đây chưa phải là ý chính mà chỉ là ý dẫn dắt đến ý chính. Diễn giả đưa ra biện pháp giải quyết ô nhiễm là: *nạo vét hồ đó cho thật sạch*. Đây là ý chính. Diễn giả giải thích cụ thể các bước tiến hành như sau: (1) *phải giáo dục người dân ở quanh cái hồ đó đừng vứt rác xuống hồ*, (2) *đưa công nhân môi trường đến để vét rác trôi trên hồ và ở ven bờ*, (3) *đưa một tàu chuyên dụng đến nạo vét lòng hồ*. Vậy thì ba bước này là ba ý hỗ trợ. Nó miêu tả và giải thích rõ hơn các qui trình nạo vét như thế nào.

Khi tìm kiếm ý hỗ trợ chúng ta lại phải xác định ý hỗ trợ nào quan trọng hơn để nói trước. Trong ba ý hỗ trợ ở trên, việc giáo dục người dân là ý quan trọng nhất, thứ đến là cho tàu nạo vét, còn công đoạn cho công nhân nạo vét những rác rưởi không quan trọng so với hai ý kia.

Để thực hiện một quy trình nghe một cách đầy đủ chúng ta phải đáp ứng những tiêu chí sau:

- Nhanh chóng phát hiện chủ đề nghe. Nắm bắt được chủ đề, chúng ta sẽ nghe một cách chủ động hơn.
- Phải có kiến thức nền tốt (về chủ đề sẽ nghe). Kiến thức nền tạo điều kiện cho chúng ta một năng lực hiểu cao.
- Có phản xạ nhanh, phát hiện các ý chính và ý hỗ trợ, thông qua luyện tập.

Bài tập 4: Bây giờ chúng ta làm một bài tập nghe bao gồm ba bước: bước một phát

hiện chủ đề, bước hai lấy ý chính, và bước ba lấy những thông tin chi tiết. Chúng ta nghe câu chuyện giữa Gerda và Kai, trích trong bộ phim Snow Queen.

O_O

Kai: Oh, Gerda. Uh, listen, do you want to come skating with me after work tonight?

Gerda: I'm not really good.

Kai: Well, I can teach you.

Gerda: I don't skate any more.

Kai: Why not?

Gerda: I told you ... I don't like winter.

Kai: There you are ... winter's finished. As far as we are concerned, it's already Spring.

Gerda: So if I step outside, there will be daffodils everywhere and all the snow'll be gone?

(At the lake)

Gerda: Didn't you promise me daffodils?

Kai: Oh, they're out there. They're just, uh, just a little shy, that's all. Maybe if you come skating with me, they'll come out.

Gerda: I'm warning you ... I'm not very good. I haven't been on skates in years.

Kai: You'll be fine. Come on, try it. It's easy. Come on ... hey, maybe one little spin is all it'll take for the daffodils to come up.

Qua đoạn phim vừa rồi chúng ta thấy chủ đề của hai bạn Kai và Gerda là đi trượt băng. Trong đoạn này ý chính của câu chuyện là Kai rủ Gerda đi trượt băng. Nói rõ hơn là Gerda không thích trượt băng, nhưng Kai thuyết phục và cô đồng ý. Những câu trong đoạn phim thể hiện ý chính là:

Kai: Oh, Gerda. Uh, listen, do you want to come skating with me after work tonight?

...

Gerda: I don't skate any more...

...

Và cuối cùng đêm hôm đó Gerda có đến sân băng cùng Kai.

Bài tập 5: Chúng ta đã nắm được ý chính. Vậy những ý phụ trợ cho ý chính đó là gì? Chúng ta xem lại đoạn hội thoại giữa Kai và Gerda sau đây

O_O

Kai: Oh, Gerda. Uh, listen, do you want to come skating with me after work tonight?

Gerda: I'm not really good.

Kai: Well, I can teach you.

Gerda: I don't skate any more.

Kai: Why not?

Gerda: I told you ... I don't like winter.

chúng ta thấy câu : *I don't like winter* là một ý chi tiết quan trọng.

Bài tập 6: Thông tin chi tiết tiếp theo là: Kai đưa ra lý do gì để thuyết phục Gerda đi trượt băng với mình. Thông tin này nằm trong đoạn sau đây:

O_O

Kai: There you are ... winter's finished. As far as we are concerned, it's already Spring.

Gerda: So if I step outside, there will be daffodils everywhere and all the snow'll be gone?

(At the lake)

Gerda: Didn't you promise me daffodils?

Kai: Oh, they're out there. They're just, uh, just a little shy, that's all. Maybe if you come skating with me, they'll come out.

Vậy, để thuyết phục Gerda đi trượt băng (ý chính) Kai đưa ra những thông tin chi tiết quan trọng: một là đối với chúng ta (tức là giữa Kai và Gerda) mùa đông đã qua rồi, *Winter's finished*; hai là tuyết sẽ tan, *snow'll be gone*; và ba là em sẽ thấy hoa thủy tiên vàng ở mọi nơi, *there will be daffodils everywhere*.

Vậy:

Main ideas: *Kai asked Gerda to go skating. She refused. He persuaded her to come up.*
(ý chính: Kai rủ Gerda đi trượt băng. Gerda từ chối. Kai thuyết phục. Cô đồng ý.)

Details: a. *Gerda didn't want to go because she didn't like winter.*

(Ý hỗ trợ: Lý do Gerda không đồng ý là cô không thích mùa đông.)

b. *Kai told her that the winter's finished, snow is gone. There'll be daffodils* (Kai thuyết phục là đối với chúng ta mùa đông đã hết, tuyết đã tan, hoa thủy tiên vàng đã nở).

B. Listen for pleasure

Để giải toả sự căng thẳng của kỹ thuật, chúng ta cùng nghe để thưởng thức bài thơ "My Love is Like a Red, Red, Rose" (Tình anh như bông hồng đỏ thắm). Chúng ta hãy nghe hai câu đầu, hai câu chủ đề của bài thơ.

*O, my luve's like a red, red rose
That's newly sprung in June*

Đây là bài thơ của nhà thơ lãng mạn Anh Robert Burns (1759 -1796). Nhà thơ người Scotland, viết bằng ngôn ngữ địa phương Scot (phương ngữ Lallans) và được coi là nhà thơ của dân tộc Scot. Ông viết thơ ca ngợi tình yêu, ca ngợi đồng nội, và những niềm tự hào của đất nước. Người dân Scot sinh sống khắp mọi nơi trên thế giới đều tổ chức kỷ niệm ngày sinh của ông, ngày 25 tháng Giêng, gọi là Burns Night (với món ăn đặc trưng: *haggis*, dạ dày cừu nhồi thịt cừu xay, lòng cừu, bột yến mạch, và gia vị).

Nghe hai câu đầu chúng ta đã biết đây là một bài thơ tình, và tác giả ví tình yêu của mình như một bông hồng thắm đỏ. Chúng ta đã biết đối với hầu hết các dân tộc trên thế giới, hoa hồng là loài hoa biểu tượng của tình yêu chung thủy.

Bây giờ chúng ta lại nghe tiếp các chi tiết về hình ảnh tình yêu mà Robert Burns nói đến.

*O, my luve is like the melodie
That's sweetly play'd in tune
As fair art thou, my bonie lass
So deep in luve am I
And I will luve thee still, my Dear
Till a' the seas gang dry*

Đến đây tác giả miêu tả rõ hơn về tình cảm của mình. Về hình tượng thì tác giả cho mối tình của mình đẹp như hoa hồng. Về âm hưởng, ông ví mối tình của mình ngọt ngào như một giai điệu êm dịu.

*O, my luve is like the melodie
That's sweetly play'd in tune
As fair art thou, my bonie lass*

Và để nói lên sự chung thủy của mình tác giả như nguyện thề rằng dù cho biển cạn anh vẫn yêu em. Ngày nay chúng ta thấy quen thuộc với lối thề non nguyện biển này, nhưng Robert Burns sống vào thế kỷ thứ 18. Thời đó dòng thơ lãng mạn Anh sáng tạo ra nhiều hình ảnh nên thơ, nhiều ý tưởng mà sau này nhiều tác giả khác phát triển nó dưới các dạng khác nhau. Bây giờ chúng ta thấy quen thuộc nhưng thời đó là một sự sáng tạo.

*O, my luve's like a red, red rose
That's newly sprung in June
O, my luve is like the melodie*

*That's sweetly play'd in tune
As fair art thou, my bonie lass
So deep in love am I
And I will love thee still, my Dear
Till a' the seas gang dry*

6. NGHE LẤY THÔNG TIN CẦN ĐẾN (LISTEN FOR WANTED INFORMATION)



A. Listen for study

Trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta có nhiều tình huống cần phải nghe. Tuy nhiên mục đích nghe của các tình huống không luôn luôn giống nhau. Có lúc chúng ta chỉ cần nghe ý chính. Có lúc lại cần nghe chi tiết. Và có nhiều trường hợp chúng ta nghe theo yêu cầu riêng của mình, tức là chỉ nghe những thông tin mình đang tìm kiếm. Để rèn luyện năng lực này, chúng ta có kỹ thuật nghe lấy thông tin cần đến (*Listen for wanted information*).

Nguyễn Ngọc Thắng - Cán bộ tổ chức *Care*

Tôi cần phải giao tiếp với người nước ngoài, cần phải trao đổi thông tin thường xuyên, đặc biệt là cần làm việc với các chuyên gia tư vấn nước ngoài, hoặc nghiên cứu các tài liệu giúp cho bên học viện của chúng tôi xây dựng hiệp hội. Ba tuần đầu tiên tới Mỹ tôi gặp rất nhiều khó khăn. Trên lớp nghe được rất ít, hầu như không nghe được gì. Các sinh viên Mỹ khi thảo luận họ nói với các giảng viên rất là khó nghe, bởi vì tốc độ họ nói rất nhanh, nhanh hơn trong băng rất nhiều lần, vì họ đã khẳng định là khi các bạn đã đủ điều kiện tham gia học trường đại học Mỹ thì bạn phải có trình độ nghe nói tiếng Anh như là sinh viên Mỹ. Đây là khó khăn không chỉ riêng của tôi.

Bây giờ chúng ta nhắm mắt lại, thở đều đều, tưởng tượng ta đang ngồi trên bờ biển trong một ngày đẹp trời.



Sitting Comfortably at the Beach

You feel comfortable, relaxed and ready to think about being at the beach. You're sitting on a chair on the warm sand. It feels so good to sit there and relax. You can feel the warmth and softness of the sand as you pick up a handful and let it trickle through your fingers. You can feel the sand on your feet and legs. You check and push your sand with your feet to make a little hole for your feet, so you can be even more comfortable. You listen to the waves gently lapping upon the shore. The white foams just float lazily when the waves come up and slide back down into the water. You feel so good.

Thật là thoải mái khi ngồi bên bờ biển. Hãy tưởng tượng ra hơi cát ấm ấm và mềm mại dưới chân ta, những hạt cát đua nhau lọt qua kẽ tay ta, rồi nữa tiếng sóng nhẹ vỗ bờ, những đám bọt biển lững lờ trôi. Một quang cảnh như vậy cứ hiện dần dần lên, lơ mờ trước mắt ta.

Trong các cảnh ấy, bạn thích cảnh nào nhất? Nếu bạn thích cái cảm giác thấy hơi cát ấm ấm dưới bàn chân và trong lòng bàn tay thì hãy tập trung nghe vào chi tiết ấy và bỏ qua các chi tiết khác.

You can feel the warmth and softness of the sand as you pick up a handful and let it trickle through your fingers.

Đây chính là kỹ thuật nghe lấy thông tin cần đến. Trong khi nghe chúng ta thường nói là chúng ta phải phát hiện ra chủ đề. Đó là bước đầu tiên của quy trình nghe. Nhưng sau đó phải đặt cho mình một mục đích: Ta đang cần nghe cái gì? Vậy là sẽ có cái ta không cần nghe. Ví dụ trong một thông điệp có một thông tin mở đầu: một nghệ nhân tạo ra bức tượng một người đàn bà rất đẹp (*Once in a country a long time ago there was an artist who made a statue. It was the statue of a beautiful woman*). Đó là chủ đề.

Với chủ đề này, tôi muốn biết *người đàn bà đó đẹp tới mức nào*. Đây là mục đích nghe của tôi. Cho nên trong khi nghe tiếp, tôi bắt được câu "*People came from many places to look at it*". Đây chính là ý mà tôi đang tìm kiếm: *bức tượng đẹp đến nỗi mọi người khắp nơi đều đổ về đó*. Còn các ý khác như "*Because the woman was so lovely*" thì tôi không cần đến vì tôi biết đó là bức tượng đẹp rồi. Sau đó lại đến một câu là "*Even the artist loved the statue*" (Bản thân người tạc nên bức tượng đó rất yêu bức tượng đó). Câu này cũng thể hiện bức tượng đẹp tới mức nào. Thông tin này cũng

đáp ứng mục đích của tôi. Thế còn về sau có các thông tin như bức tượng đó biến thành người thật, ... không phải là thông tin tôi cần đến.

Cùng lúc đó, người khác cũng nghe bài đó nhưng có thể có mục đích khác. Ví dụ có người muốn biết *chuyện gì xảy ra với bức tượng*. Với mục đích này họ nghe và nắm bắt câu “*He loved her so much that she changed into a living woman*. (Bức tượng người đàn bà biến thành người thật).

Bài tập 1: Cùng một sự việc mỗi giới nhìn nhận một cách khác nhau. Ví dụ đối với mặt trăng, nhà khoa học, họa sĩ, nhà văn có cái nhìn khác nhau. Bạn muốn biết thông tin gì?

Giả sử:

Anh A muốn biết *một nhà khoa học nghĩ gì về mặt trăng*.

Anh B muốn biết *một họa sĩ nghĩ gì về mặt trăng*.

Anh C muốn biết *một nhà văn nghĩ gì về mặt trăng*.

Chúng ta cùng nghe.

O_O

People look at things differently. The scientist sees the moon and says, “We have learned a lot of important things from the moon.” The artist looks at the moon and says, “I can paint the moon’s beauty so that everyone will think of peace.” The writer says, “People in love always look at the moon. I’ll put that in my story.”

Vậy anh A khi nghe thấy từ *the scientist* thì nghe kỹ câu tiếp theo đó *We have learned a lot of important things from the moon*.

Anh B khi nghe thấy từ *the artist* thì chú ý lắng nghe để bắt được câu *I can paint the moon’s beauty so that everyone will think of peace*.

Còn anh C khi nghe thấy từ *the writer* thì nghe chăm chú để bắt được câu *People in love always look at the moon. I’ll put that in my story*.

Như vậy nguyên tắc chung là người nghe chỉ nghe những điều có liên quan đến mục đích nghe của mình, bỏ qua tất cả các thông tin khác. Có một yếu tố giúp ta làm điều này, đó là những từ có tính chất báo hiệu, tiếng Anh gọi là *clue*. Ví dụ tôi muốn biết ý kiến của nhà khoa học thì khi nghe “*the scientist*” là tôi đã bắt đầu chú ý, đến khi hết ý kiến nhà khoa học, tức là khi nghe thấy *the artist says* (họa sĩ nói rằng) thì tôi dừng nghe, không chú ý quan tâm nữa. Những từ như *the scientist, the artist, the writer* là những đầu mối để nắm bắt thông tin mình cần đến.

Thầy giáo Phạm Sanh Châu

Mỗi ngày tôi bật một số giờ đài lên. Tôi cứ bật thôi, nghe được chỗ nào thì nghe. Có một thời kỳ, hồi đấy lâu lắm rồi, khi mà tôi tập trung học nghe, tôi mở đài lúc 10 giờ, chương trình tiếng Anh phát ở Đài tiếng nói Việt Nam. Tiếng Anh dịch của Đài tiếng nói Việt Nam rất dễ hiểu. Nghe thì hiểu ngay không có khó khăn gì. Nhưng cái mà tôi tập là khi đài nói ra một từ tiếng Anh, trong đầu tôi lại hiện ra một chữ tương ứng. Khi họ nói ra cả câu, tôi cũng hình dung ra cả câu đó viết như thế nào. Dần dần tôi biết khả năng của mình là khả năng nhìn vào mặt chữ thì dễ thuộc hơn là nghe để nhớ. Do đó khi nghe câu gì thì hình dung ra thành chữ, rồi từ đấy mà giải nghĩa. Đó là một trong những kỹ năng mà tôi sử dụng. Và sau này cùng với năm tháng, kinh nghiệm và tuổi tác, càng tiếp xúc nhiều, càng va chạm nhiều tôi càng có kinh nghiệm thì xử lý dễ hơn. Và nhiều khi phải hiểu cả cái bối cảnh. Đôi khi chỉ nói một từ thôi nhưng trong bối cảnh ấy, nó là thế không thể khác được. Mình đã biết rồi, mình đã từng trải qua rồi thì kinh nghiệm nó mách bảo mình nó là như thế.

Bài tập 2: Chúng ta cùng xem một lượt trích đoạn phim Snow Queen. Đây là cuộc nói chuyện giữa Gerda và Kai. Chúng tôi ta nghe một lượt như vậy là để nắm bắt được chủ đề của câu chuyện. Điều này đáp ứng một thực tế là trong giao tiếp hàng ngày trước khi nghe thường chúng ta biết trước chủ đề, sau đó mới nghe để nắm thông tin.

O_O

Gerda: Why have you become like this? Why are you being so horrible? It's as if you're determined to turn everyone against you?

Kai: They're already against me. Your father treats me like a slave.

Gerda: He respects you, I know he does ...

Kai: Yeah, and one day he's going to let me run the hotel, right? I don't think so.

Gerda: It's not like that. Maybe if you were to stick with the job ...

Kai: Hey, Gerda, I have an idea. Why don't we follow the mountains up north. Just you, and me ... skating and skating and skating and skating ... huh? Would you like that? We could go right now, we won't tell anybody ... let's go!

Gerda: No! I want you to come back to the hotel with me before you get sacked!

Gerda: Kai! I don't understand! You said you loved me.

Kai: You never said you loved me.

Bây giờ hãy đặt cho mình một mục đích nghe, sau đó nghe và nắm bắt tín hiệu (tức là *clue*) của thông tin mình đang tìm kiếm. Ví dụ chúng ta muốn biết cha của Gerda nghĩ thế nào về Kai. Vậy theo phỏng đoán từ báo hiệu có thể là *father*, hoặc *Dad*, hoặc *Daddy*.

O_O

Gerda: Why have you become like this? Why are you being so horrible? It's as if you're determined to turn everyone against you?

Kai: They're already against me. Your father treats me like a slave.

Gerda: He respects you, I know he does ...

Kai: Yeah, and one day he's going to let me run the hotel, right? I don't think so.

Đúng là từ *father* đã cho chúng ta tín hiệu bắt đầu thông tin đang tìm kiếm.

Thông tin chúng ta cần đến là: *Your father treats me like a slave*. (Cha em đã đối xử với anh như một nô lệ).

Bây giờ chúng ta lại đặt một mục đích khác. Ví dụ chúng ta cần đến thông tin là: Kai muốn rủ Gerda cùng làm việc gì. Phán đoán của chúng ta về nhóm từ báo hiệu (*clue*) là *I want you to ...* hoặc *Would you like...* hoặc *I have an idea, ...* hoặc *Do you want to ...* Xin chú ý, yếu tố báo hiệu, *clue*, không phải chỉ là một từ. Nó có thể là một nhóm từ hoặc một câu hoàn chỉnh. Chúng ta cùng nghe.

O_O

Kai: Yeah, and one day he's going to let me run the hotel, right? I don't think so.

Gerda: It's not like that. Maybe if you were to stick with the job ...

Kai: Hey, Gerda, I have an idea. Why don't we follow the mountains up north. Just you, and me ... skating and skating and skating and skating ... huh? Would you like that? We could go right now, we won't tell anybody ... let's go!

Gerda: No! I want you to come back to the hotel with me before you get sacked!

Gerda: Kai! I don't understand! You said you loved me.

Kai: You never said you loved me.

Khi nghe thấy Kai nói *I have an idea* thì chúng ta hãy lắng nghe cẩn thận. Đây chính yếu tố báo hiệu thông tin chúng ta cần đến .

Thông tin chúng ta cần đến : *Why don't we follow the mountains up north? Just you, and me ... skating and skating and skating and skating ... huh*. Vậy là chúng ta đã biết Kai muốn rủ Gerda lên núi trượt tuyết.

B. Listen for pleasure

Mời các bạn thưởng thức một bài thơ của *Thomas Hood*, một nhà thơ lãng mạn

Anh, với tiêu đề *I Remember* (Tôi còn nhớ). Trước hết các bạn hãy nghe một lượt để thưởng thức toàn bộ bài thơ. Sau đó bạn thích ý tưởng nào trong bài thơ (tức là thông tin bạn muốn biết) thì bạn sẽ nghe lại đoạn đó.

I Remember
Thomas Hood

*I remember, I remember,
The house where I was born,
The little window where the sun
Came peeping in at morn;
He never came a wink too soon,
Nor brought too long a day,
But now, I often wish the night
Had borne my breath away!*

*I remember, I remember,
The roses, red and white,
The vi'lets, and the lili-cups,
Those flowers made of light!
The lilacs where the robin built,
And where my brother set the laburnum on his birthday,
The tree is living yet!*

*I remember, I remember,
Where I was used to swing,
And thought the air must rush as fresh
To swallows on the wing;
My spirit flew in feather then,
That is so heavy now,
And summer pools could hardly cool
The fever on my brow!*

*I remember, I remember,
The fir trees dark and high;
I used to think their slender tops
Were close against the sky:
It was a childish ignorance,
But now 'tis little joy
To know I'm farther off from heav'n
Than when I was a boy.*

Thomas Hood (1799-1845) là nhà thơ Anh thuộc dòng thơ lãng mạn Anh, thế kỷ 18-19. Ông sinh ra ở London. Thời thơ ấu của ông rất buồn. Ông vào làng văn chương rất sớm, bắt đầu viết cho báo *London Magazine* vào năm 1821 (22 tuổi).

I Remember là bài thơ nhớ về tuổi thơ của nhà thơ *Thomas Hood*. Ông nhớ đến quê nhà với nếp nhà xưa, khung cửa nhỏ và tia nắng sớm. Đặc biệt ông nhớ về khu vườn nhỏ của mình, với những bông hồng trắng đỏ, với hoa huệ chuông, với tử đinh hương, hoa mun cánh vàng và nữa, chim robin bé nhỏ. Ông nói

*I remember, I remember,
The roses, red and white,
The vi'lets, and the lili-cups,
Those flowers made of light!
The lilacs where the robin built,
And where my brother set the laburnum on his birthday,
The tree is living yet!*

Tôi còn nhớ,
Những bông hồng trắng, đỏ,
Cánh huệ chuông chen màu hoa tím nở
Những cánh hoa rực lên màu ánh sáng!
Tử đinh hương, chim rô-bin tìm nơi làm tổ ấm
Tử đinh hương, người em nhỏ cài hoa mun cánh vàng
Chẳng biết nữa, đinh hương kia còn sống chứ!

Như chúng ta đã nói đến đâu đó trong chương trình này, hoa hồng là biểu tượng của người dân Anh (England). Trong vườn của họ dù có nhiều loại hoa thì bao giờ cũng có một bụi hoa hồng. Trong ký ức tuổi thơ, ít người Anh lại không có hình ảnh hoa hồng trong vườn.

Trong đoạn tiếp theo khi gợi nhớ về tuổi thơ, Thomas đã nói đến hình ảnh chiếc ghế đu trong vườn, một hình ảnh quen thuộc giống như hình ảnh cây đu của ta. Nhưng cây đu Việt Nam gắn liền với ngày hội làng, còn ghế đu của người Anh gắn với đời sống gia đình. Thomas còn giữ lại hình ảnh và cảm giác khi ngồi trên ghế đu, được anh chị em hoặc bố mẹ đẩy lên cao: cảm giác đang bay trong khí trời ào ạt, cùng cánh nhận, bay với một tâm hồn ngây thơ, vô tư lự.

*I remember, I remember,
Where I was used to swing,
And thought the air must rush as fresh
To swallows on the wing;
My spirit flew in feather then,*

Tôi còn nhớ
Nơi tôi đã từng rộn cánh đu cao
Với khí trời ào ạt
Theo cánh nhận bay.
Và ngày ấy tâm hồn tôi như lông hồng lướt nhẹ.

7. NGHE LẤY THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ (LISTEN FOR EVERYTHING)



A. Listen for study

Mục tiêu cuối cùng của mọi cuộc nghe là nắm bắt được đầy đủ mọi thông tin người nói muốn chuyển tải, nếu người nghe không có mục đích đặc biệt nào. Cách nghe này nhiều đối tượng phải cần đến, ví dụ người phiên dịch, sinh viên nghe giảng, v.v.

Nguyễn Thị Hương Giang - Người giành được học bổng Chevening 2006

Tiếng Anh nó là cái gì đó thiên về hai điều. Điều thứ nhất là năng khiếu. Thường thì tôi thấy nữ học tiếng Anh tốt hơn là nam. Điều thứ hai, tôi nghĩ rằng rất quan trọng, đó là học tiếng Anh thì phải được thực hành thường xuyên, liên tục và đều đặn. Không cần phải thông minh, nhanh nhẹn. Tất cả đều có lợi cả, nhưng quan trọng nhất vẫn là cần cù, chăm chỉ luyện tập, luyện tập hàng ngày. Trong tiếng Anh có câu "Practice makes perfect".

GS. TS KH Phạm Trương Thị Thọ - Khách giả của chương trình "Mỗi ngày 30 phút học tiếng Anh"

Tôi bây giờ tôi không phải đi dạy sinh viên hay đi nghiên cứu. Nhưng đôi khi đi họp hội nghị khoa học hay có một hội nghị quốc tế trong nước chẳng hạn, mình cũng phải nói được chứ, cũng phải tiếp giao được chứ, cũng phải đặt câu hỏi được chứ. Tôi nghĩ

rằng khi có một vốn ngoại ngữ làm cho mình tự tin, chứ giao tiếp mà lúng túng thì không biết nói gì nữa.

Để bắt đầu bài học hôm nay, chúng ta nhấm mắt lại, thở đều đều, tưởng tượng ra hình ảnh của đoạn truyện sau đây.

O_O

Ali Baba and the Forty Thieves

One day, Ali Baba was collecting wood in the forest, when he noticed a group of strange men on horseback.

"Robbers," Ali Baba thought to himself. "They must have a hideout near here. I'd better hide in this tree."

From his perch Ali Baba counted forty men: all armed. Their leader rode up to a huge rock, and commanded: "Open Sesame!" With these words, the rock rolled back and the robbers disappeared into a large cave.

Chúng ta tưởng tượng ra cảnh đó như thế nào? Một người đang lang thang kiếm củi trong rừng. Một đoàn ngựa rầm rập chạy tới. Anh tiều phu trốn lên cây. Một tên cướp hô: "Vùng! Mở cửa ra!" Cánh cửa đá rầm rầm mở ra. Một đoàn người cưỡi ngựa đi vào hang.

Để tưởng tượng ra một cách đầy đủ các cảnh tượng ấy, chúng ta cần nắm bắt được tất cả các thông tin, từ thông tin chính (*main ideas*) đến những thông tin hỗ trợ (*supporting details*). Đây chính là kỹ thuật nghe lấy tất cả các thông tin của thông điệp (*Listen for everything*). Đúng là yêu cầu nghe như thế này rất thách thức đối với người Việt.

Để nghe được đủ các chi tiết: Cần có khả năng bắt trọng âm tốt, và hiểu nghĩa tổng thể của câu qua trọng âm câu. Muốn nắm được chi tiết thông điệp đương nhiên phải hiểu được tất cả các phát ngôn trong một thông điệp. Thiếu câu nào là có thể mất đi một chi tiết (có khi lại là chi tiết quan trọng).

Ví dụ khi nghe kể về một đàn voi, thông điệp đầy đủ là:

Có một đàn voi đi về khu rừng phía Tây
Đàn voi có 12 con, 8 con lớn và 4 con voi nhỏ
Đàn voi đi tìm nước uống
Đến một khúc sông nhỏ trong rừng, con thì chạy xuống dầm nước, con thì uống nước, con thì đánh nhau dưới nước, con thì dùng vòi hút nước phun tung toé.

Chúng ta không thể bỏ qua chi tiết nào. Giả sử ta không nghe được “đến một khúc sông nhỏ”. Đây tuy là ý hỗ trợ nhưng quan trọng vì nó chỉ địa điểm đến của đàn voi.

Cần xây dựng năng lực phán đoán logic: Ngôn ngữ nói chung phải thích ứng với hai loại quy tắc, một là quy tắc ngữ pháp, và hai là quy tắc về sử dụng, tức là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn cảnh. Đó là:

(1) khả năng đoán từ trong văn cảnh, để hiểu câu.

Ví dụ khi nghe “When *bwana* comes in, the class stand up and say, ‘Good morning, *bwana*’ “ chúng ta có thể đoán được *bwana* = *teacher*

(2) khả năng phán đoán những phần không nghe được của một câu, thậm chí một đoạn ngắn. (Predicting the content of the missing half).

Ví dụ khi nghe “We talk of the falling in love, but this process is usually slower than” chúng ta có thể hoàn thiện phần sau bằng nhóm từ, hoặc một câu hợp với toàn văn cảnh.

Cần rèn luyện trí nhớ (*memory training*). Để làm việc này chúng ta có thể tiến hành những bài tập nhớ (vật thể, sự kiện) theo đúng trật tự đã xảy ra. Trí nhớ tốt không phải tự nhiên mà có. Chúng ta phải rèn luyện. Bài tập ngoại ngữ đòi hỏi người học phải có trí nhớ tốt. Khi nghe người khác nói, chúng ta không thể chỉ cần nhớ bập bõm: vài ý ở đầu, ở giữa, ở cuối thông điệp, rồi ghép lại với nhau. Nắm được đầy đủ thông tin cần có khả năng ghi nhớ đầy đủ và đúng trật tự những ý tưởng mà người nói trình bày.

Một loại hình bài tập luyện trí nhớ có hiệu quả là: *Hunting for Activities*. (Tìm kiếm những hoạt động đã xảy ra). Ghi nhớ những gì xảy ra từ đầu đến cuối câu chuyện theo đúng trật tự.

Xây dựng thói quen tập trung nghe. Nhiều người nghe một vài phút là bị lãng đi, nhiều người nghe gặp từ mới, cứ nghĩ luẩn quẩn về từ mới đó mà bỏ lỡ nhiều câu tiếp theo.

Bài tập 1: Chúng ta hãy ứng dụng kỹ thuật rèn luyện trí nhớ khi nghe hiểu. Đó là kỹ thuật: *Tìm kiếm các hành động (Hunting for activities)*. Mời các bạn xem một đoạn video. Hãy ghi nhớ những hành động xảy ra theo đúng trật tự trong băng. Không cần nghe lời nói của các nhân vật.

O_O

Extract from SNOW QUEEN

Wolfgang

Oh, Madam ... I ... I ... good afternoon. I do apologise ... I, um ... we weren't expecting anyone today. Do you mind if I ask you how you made it through the pass to the village, the road's been closed for days.

Snow Queen

Would you be so kind to have someone fetch my bags? They're outside.

Wolfgang

Yeah ... yes ... bellboy. Bellboy! Bellboy!

Snow Queen

And would it be possible for me to have a room on the top floor?

Wolfgang

Yeah ... the top floor. How long will you be staying with us, madam?

Snow Queen

Why? Are you expecting a rush of late-arriving guests?

Wolfgang

No ... the storm may continue for another day, I thought that perhaps you might be more comfortable in a suite.

Snow Queen

The storm will be gone tomorrow. Trust me.

Kai watches from the landing above. As the Snow Queen nears the hotel furnace, her finger starts to drip moisture.

Wolfgang

Would you like me to have some hot tea sent to your room?

Snow Queen

No, no tea. Just a jug of iced water.

Wolfgang

I'll have it sent straight up. Bellboy! He's ... somewhere. Kai?

Kai pauses outside the Snow Queen's room

Snow Queen

Well, are you going to stand outside for the rest of your life?

Kai pushes the door open and walks in.

Snow Queen

Do you like mirrors?

Kai

I'm sorry?

Snow Queen

I was just wondering whether you knew or not. And you don't, do you?

Kai starts to light the wood-burning stove.

Snow Queen

What are you doing?

Kai

I'm just light a fire for you ... it's freezing.

Snow Queen

Think I'm cold? Do I look cold to you? I'm not cold. I'm not cold at all. You've got lovely eyes. They're the first thing I noticed about you. How old are you?

Kai

Eighteen. I think I'm needed downstairs.

Snow Queen

About a month ago there was a terrible snowstorm here. Just like today ... it was a blizzard. Do you know anyone who was ... how can I put this ... affected by it? Anyone who changed?

Kai

I don't know what you mean.

Snow Queen

For instance, have you noticed what a mean, selfish little person you've become recently? Do you know why that is?

Kai

No.

Snow Queen

It's because you want something from me. You crave it more than anything else. In fact you can't stop thinking about it. Even though you don't know what it is. I'll be on the lake tonight. Why don't you come down and see me?

Kai

I can't tonight.

Snow Queen

What a pity. I'm here only for one night. You like winter, don't you?

Kai starts to leave.

Snow Queen

Kai! Come here. I've got something for you.

She puts something in his hand. It's a coin.

Các bạn có nhớ có bao nhiêu hành động? Bây giờ chúng ta cùng nhau nhắc lại những hành động đó theo đúng trật tự xảy ra trong phim.

1. Wolfgang đi ra sau quầy. (*Wolfgang turns back to the counter.*)
2. Wolfgang rung chuông gọi Bell Boy. (*Wolfgang rings the bell.*)
3. Snow Queen sờ con gấu trắng. (*Snow Queen caresses the white bear.*)
4. Wolfgang giở lịch. (*Wolfgang flaps on the calendar.*)
5. Snow Queen ra soi gương. (*Snow Queen looks at herself in the mirror.*)
6. Kai đứng trên gác nhìn xuống. (*Kai looks down from the landing above.*)
7. Snow Queen rỏ nước qua ngón tay xuống sàn nhà. (*Snow Queen's finger drips moisture.*)
8. Wolfgang rung chuông. (*Wolfgang rings the bell.*)
9. Kai bưng khay nước lên phòng Snow Queen. (*Kai brings iced water to Snow Queen's room.*)
10. Kai đẩy cửa bước vào. (*Kai pushes open the door and walks in.*)
11. Kai đặt bình nước xuống bàn (*Kai puts the jar of iced water on the table.*)
12. Kai bỏ củi vào lò sưởi. (*Kai lights the wood-burning stove.*)
13. Snow Queen nâng cằm Kai lên. (*Snow Queen lifted up his chin.*)

14. Kai đi ra cửa. (*Kai walks to the door.*)
15. Snow Queen gọi, Kai đứng lại. (*Snow Queen calls him back and Kai stops.*)
16. Snow Queen đặt tay lên ngực Kai. (*Snow Queen puts her hand on Kai's chest.*)
17. Snow Queen rót nước vào cốc. (*Snow Queen pours water into a glass.*)
18. Kai tiến ra cửa. (*Kai hurries to the door.*)
19. Snow Queen gọi, Kai đứng lại. (*Snow Queen calls out and Kai stops.*)
20. Kai tiến về phía Snow Queen. (*Kai walks up to Snow Queen.*)
21. Snow Queen đặt vào tay Kai một đồng xu. (*Snow Queen puts a coin in his hand.*)

TS Lê Văn Canh - Trưởng phòng Quan Hệ Quốc Tế ĐHNN-ĐHQGHN

Nghe trong khi nói chuyện chúng ta phải hiểu được ý của người nói. Một cái khó nữa là hiểu được hàm ngôn trong lời nói. Đôi khi trong giao tiếp chúng ta không hiểu hết được hàm ngôn. Mà ngôn ngữ thì hàm ngôn của nó rất là phong phú và mang tính chất khái niệm. Nó thay đổi rất nhiều. Giả sử người ta nói là: "What do you think of the play?" Câu trả lời là "Lighting is not good" mới đúng. Hàm ý ở đây là vở kịch này chẳng có gì hay ho cả. Các bạn biết, người Anh, Mỹ muốn nói đến cái hay, cái không hay, thường dùng khía cạnh ánh sáng để diễn tả...

Đồng thời phải thấy một vấn đề nữa rất quan trọng trong khi giao tiếp, đó là vấn đề văn hóa. Nếu chúng ta không hiểu văn hoá thì đôi khi hiểu nhầm, mục đích giao tiếp của chúng ta sẽ không đạt được.

Trong giao tiếp thực hàng ngày, người nghe cần nghe hiểu mọi thông tin của người nói. Có nắm được đầy đủ thông tin người nghe mới có khả năng xử lý thông tin theo yêu cầu của mình. Tuy nhiên trong quy trình học tiếng, giới giáo học pháp thường chia quy trình rèn luyện năng lực nghe thành nhiều kỹ thuật nhỏ: nghe lấy ý chính, nghe lấy thông tin cần đến, v.v. Người học cần rèn luyện tốt các kỹ thuật đó để có thể tiến tới tổng hợp các kỹ thuật để có thể nghe được mọi thông tin (listen for everything).

B. Listen for pleasure

Trong cuộc đời của một con người không thể thiếu tình yêu. Sự xa cách trong tình yêu thường làm cho tình đậm thêm, và nghĩa sâu thêm. Trong tác phẩm "The Bertrams" Anthony Trollope đã nói "*Those who have courage to love should have courage to suffer*".

Trong mọi mối tình, nếu có ngày phải chia tay thì ngày ấy cũng chính là ngày đau khổ, luyến tiếc.

*...we were letting go of something special
Something we'll never have again.*

Chúng ta đã để trôi đi một điều gì đó đặc biệt. Một điều chẳng bao giờ còn có lại được nữa. Và lúc này mới thấy mình yêu hơn và được yêu hơn.

Bây giờ chúng ta cùng thưởng thức bài *The Day You Went Away*.

O_O

The day you went away

Singer: M2M

Well I wonder
Could it be
When I was dreamin' 'bout you baby
You were dreamin' of me
Call me crazy
Call me blind
To still be suffering and stupid
After all of this time
Did I lose my love to someone better
And let her love you like I do, I do
You know I really really do

[Chorus]

Well hey, so much I need to say
Been lonely since the day
The day you went away
So sad but true
For me there's only you
Been lonely since the day
The day you went away

I remember
Date and time
September 22nd, Sunday, 25 after nine
You looked away
With your case
No longer shouting at each other
There were tears on our face
Listen we were letting go of something special
Something we'll never have again
I know, I guess I really, really know

Well hey, so much I need to say
Been lonely since the day
The day you went away
So sad but true
For me there's only you
Been crying since the day
The day you went away

The day you went away
The day you went away

Did I lose my love to someone better?
And let her love you like I do, I do
You know I really really do

[Chorus]

Why do we never know what we got til it's gone
How could I carry on
The day you went away
Cuz I've been missing you so much I have to say
Been crying since the day
The day you went away

Bài hát mở đầu da diết trước cảnh người con gái đã ra đi và người con trai luyến tiếc, băn khoăn không biết trong giây phút mình đang nghĩ đến nàng thì nàng có nghĩ đến mình không, không biết có phải mình dại khờ để mất đi người yêu đầu cho một người khác không?

*Well I wonder
Could it be
When I was dreamin' 'bout you baby
You were dreamin' of me
Call me crazy
Call me blind
To still be suffering and stupid
After all of this time
Did I lose my love to someone better*

*And let her love you like I do, I do
You know I really really do*

Sự đau khổ day dứt trong lòng người con trai, vang lên thành lời rằng dù em đã ra đi, anh vẫn có nhiều điều muốn nói cùng em. Bao nhiêu ngày em ra đi là bấy nhiêu ngày anh đơn cô, buồn tủi, vì anh chỉ có em thôi.

*Well hey, so much I need to say
Been lonely since the day
The day you went away
So sad but true
For me there's only you
Been lonely since the day
The day you went away*

Người con trai kia sao mà quên được cái ngày ấy, ngày Chủ nhật 22 tháng 9, vào lúc 9 giờ 25 phút. Vào lúc chia ly này, cả đôi trai gái đều nước mắt đầm đìa, vì biết rằng mình đang để mất đi điều gì đó thân thương mà sẽ không bao giờ còn có lại được nữa.

*I remember
Date and time
September 22nd, Sunday, 25 after nine
You looked away
With your case
No longer shouting at each other
There were tears on our face
Listen we were letting go of something special
Something we'll never have again
I know, I guess I really really know*

Nhưng chia ly vẫn là chia ly, để rồi cùng đau buồn mà luyến tiếc rằng tại sao đến ngày mất đi mối tình ấy ta mới nhận ra được cái mà mình đã từng có trong tay, để rồi sầu tủi và nhớ nhung, khóc thương cho tình yêu, từ ngày em ra đi.

*Why do we never know what we got til it's gone
How could I carry on
The day you went away
Cuz I've been missing you so much I have to say
Been crying since the day
The day you went away*

8. NHÌN THẤY NHỮNG ĐIỀU MÌNH NGHE (VISUALISATION)



A. Listen for study

Khi nói tiếng mẹ đẻ, người nói thường xây dựng hình ảnh trong óc (ý tưởng) rồi tìm kiếm phương tiện ngôn ngữ để miêu tả những hình ảnh đó. Nhưng khi học ngoại ngữ, người nói thường bị một thói quen là dựng hình ảnh, rồi tìm tiếng mẹ đẻ, tức là ngôn ngữ nguồn (SL=source language) để miêu tả hình ảnh trong óc, sau đó mới tìm các yếu tố ngôn ngữ tương đương trong ngoại ngữ, tức là tiếng mục tiêu (TL=target language).

con ếch —> a frog

Đối với những ý tưởng phức tạp, trừu tượng, quy trình cũng như vậy. Vì thế giới giáo học pháp đã tìm mọi kỹ thuật dạy-học để người học có thể tư duy thẳng bằng tiếng mục tiêu, tức là bỏ qua khâu dịch từ tiếng mẹ đẻ sang.

Đây là nói. Nghe là quy trình ngược lại. Người học nghe tiếng Anh thường có xu hướng quy tiếng Anh ra tiếng Việt và hiểu thông điệp bằng những yếu tố tiếng Việt đó, ít khi dựng lại hình ảnh.

X con ếch <— a frog

Để nghe có hiệu quả chúng ta phải xây dựng được hình ảnh trong óc khi nghe tiếng Anh. Kỹ thuật giúp người học đạt yêu cầu này gọi là *visualisation* (nhìn thấy điều mình nghe)

Huyền Ngọc - Học sinh chuyên ngữ trường ĐHNN-ĐHQGHN

Tại vì ở trường thì cũng chỉ học theo chương trình sách giáo khoa để đi thi cử như là viết, ngữ pháp nên chưa chú trọng vào phần giao tiếp như là nghe, nói. Em rất mong chương trình đáp ứng được nguyện vọng.

Chúng ta cùng xem xét chi tiết kỹ thuật nhìn thấy những điều mình nghe (*Visualisation*).

Khi nghe không phải chúng ta có thể nắm bắt được tất cả các từ trong câu, vì nhiều lý do. Nhưng yêu cầu của hoạt động nghe là chúng ta phải nắm được tất cả các sự kiện mà người nói đề cập đến. Một trong những kỹ thuật hỗ trợ điều này là: *visualisation*. Kỹ thuật này là gì? Và tiến hành như thế nào?

Trước hết điều quan trọng trong khi nghe là chúng ta phải mường tượng ra được hình ảnh mà người nói đề cập đến. Hay nói một cách khác, chúng ta phải “nhìn thấy được những điều ta nghe” (*see what you hear*). Nếu làm được như vậy, chúng ta mới dễ nhớ và nhớ một cách có hệ thống. Khi nghe ai miêu tả một cảnh nào, một sự kiện nào, nếu chúng ta nhắm mắt lại để nghe thì hình như ta thấy sự kiện đó cứ nổi dần lên trước mắt ta. Tức là chúng ta cảm thấy như mình đang ở trong sự kiện ấy. Kỹ thuật nghe và mường tượng ra hình ảnh gọi là *visualisation*. Các bước tiến hành của kỹ thuật này như sau:

- Nhắm mắt lại để nghe.
Close your eyes to listen.
- Hít thở sâu và toàn thân buông lỏng.
Take a few deep breaths and relax.
- Tập trung tư tưởng khi nghe.
Concentrate as you listen.
- Nhìn và nghe những điều một người nào đó đang nói.
See and hear the things someone talks about.
- Tưởng tượng như ngửi thấy những điều người nói nói đến.
Smell the things he/she mentions.
- Hãy tưởng tượng mình đang ở đó, tức là ở nơi xảy ra sự kiện.
Pretend you are there.

Sáu bước này giúp người nghe nhận diện được văn cảnh, nắm bắt được tình huống, và nhờ đó phán đoán được các từ quan trọng để hiểu được toàn bộ thông điệp.

Khi nghe một đoạn miêu tả một bãi biển mà không có hình ảnh (nghe băng cassette chẳng hạn) thì khó hiểu hơn là vừa nghe vừa xem hình ảnh (ví dụ nghe và xem video, VCD hoặc TV). Trong trường hợp nghe không có hình ảnh, các bạn hãy nhắm

mắt lại, tưởng tượng ra hình ảnh thông qua lời miêu tả.

Bài tập 1: Chúng ta hãy cùng nghe một đoạn miêu tả cảnh trên bờ biển vào một buổi sáng đẹp trời. Các bạn nhắm mắt lại nào.

O_O

Imagine yourself by the ocean. It is Spring. The sun is shining. It is a wonderful day to take a walk on the beach. You can see a few other people at the beach. But you feel as if you're alone. It is so peaceful to be at the beach today. You can feel a breeze blowing in your face and hair. You feel wonderful and peaceful as you take a deep breath. The air smells so fresh and clean.

Nhắm mắt lại như thế, cảnh vật hiện ra rất rõ trong khi chúng ta nghe: hình ảnh mặt trời chiếu sáng trên bờ biển, một người đi bộ trên bãi cát, gió thổi qua làn tóc của mình, không khí thật trong lành, v.v. Điều này hỗ trợ các bạn hiểu nội dung hơn.

Bài tập 2: Trước mắt xin mời các bạn nhắm mắt lại, thở đều đều, nghe một đoạn miêu tả về một khoảnh khắc trên bờ biển. Hãy tưởng tượng ra những hình ảnh được miêu tả trong băng. Các bạn nhắm mắt lại nào.

O_O

Oh, how wonderful it is to walk along the beach. You take another deep breath and smell the salt in the air. You hear some seagulls fly overhead and watch as they come down on the beach in front of you. They're certainly making a lot of noise. You stop and watch them for a moment. Some are all white, some are darker. But they are all about the same size...

You notice two people are walking towards you. There is a big yellow dog running and back and forth beside them. Sometimes the dog runs a few step into the water, and then runs back out again. Most of the time he just runs along snatching anything he finds on the sand. He seems to enjoy being at the beach. The people are holding hands and talking to each other and seem to be alone in there on a small world.

Thật là một bờ biển thần tiên. Nào những con hải âu trắng tuyền hoặc màu xám bay lên, đổ xuống. Nào hai người nắm tay nhau đi lưng thưng trên bãi cát. Chú chó to chạy lăng xăng bên họ. Thật là nhân trần. Tất cả như trong một thế giới riêng, nhỏ bé.

Bài tập 3: Bây giờ chúng ta nghe một bài nói chuyện. Hãy áp dụng kỹ thuật *visualization*. Các bạn thực hiện sáu bước như trên. Bây giờ các bạn nhắm mắt lại nào Hãy hít một hơi thở sâu... từ từ thở ra ... Nghe và ghi nhớ xem bạn “nhìn” thấy gì?

Chúng ta bắt đầu.

O_O

PENGUIN TOPPLE PHENOMENA

My name is Neil Munro. I'm the staff interpreter in the English Language unit at the Commission where I have worked for just over 21 years now and I've been asked to give you a speech this morning in some way related to the theme of transport. So I would like to start on that now.

Ladies and gentlemen,

As I said it was suggested to me that it would be nice to try and give a speech with some relationship to the subject of transport, and so I've decided to do that although you will soon discover that the linkage is in fact a rather tenuous one. I'm going to talk about a particular form of transport and its impact on the living environment and anyone living here in Belgium will probably assume that I'm going to talk about a rather topical issue about noise pollution from aircrafts landing and taking off from various Belgian airports. In fact the link is far more tenuous than that because yes I'm going to talk to you about aircrafts and their effect on the living environment, but I'm going to talk about their impact on penguin population in the southern Atlantic, and more specifically I'm going to talk to you about a phenomenon which goes by a rather grand name of penguin topple.

Now I'm sure you won't have a faintest idea what it is so I'm going to explain it to you immediately. Penguin topple was phenomenon which was reported by British pilots during the Falkland's War in the early 1980s, and what this phenomenon involves is that penguins allegedly as they see an aircraft approaching will follow the aircraft with their eye. They will crane their legs around, but they will not actually move their feet. And the result is if the plane flies directly over them and they quite simply tip over onto their back. Now you may feel that this is rather an amusing phenomenon and in fact up until now most people haven't taken it seriously. But in fact it transpires that because penguins are actually rather large animals, they can do themselves a great deal of damage by tipping over on the hard Atlantic ice.

The particular penguins in the south Atlantic are the king penguins and they can be up to 1 meter high, which is more than half my height and up to 35 kg in weight, which is just under half of my weight and therefore as I say you can well imagine that an animal like that toppling over backward could hurt itself quite badly.

Even so, I don't think the air force and its pilots would be losing too much sleep

over the phenomenon until however, and environmental organization seized hold of this and demanded that the British Air Force change its training flight in order to give the natural habitat of the king penguins as wider berth as possible.

Well you can imagine what the reaction of the air force was. First of all, I don't think the military tend to be particularly impressed by the environmental organization at the best of times. But secondly if they were to change their training flights, it would in fact involve considerably increase in the cost of those flights because of the additional fuel which would be required.

Therefore, the British government decided to organize a scientific mission to the south Atlantic and they have recently returned from five weeks in which have had been filming of the reactions of penguins under the flight path of navy helicopters. And their conclusion is a very simple one and that is penguin topple does not exist. What they say and all their footage confirms this is that as the penguins see the airplanes or hear the airplanes, they tend to move away from the noise, and they tend to go absolutely silent, and one theory is that they don't actually know what these things in the air are, but they fear that they may be some form of predators and therefore they go silent in order to remain undetected.

Now obviously these findings were much to the liking of the air force, but before I conclude I should mention that there will now be a second stage to these tests involving not helicopters but in fact air force aircrafts because it was those which were originally thought to be the cause of the penguin topple phenomenon. Obviously, the militaries are very much hoping that the second set of test will confirm the findings of the first set. But if not, and if it emerges that in fact topple does exist when aircrafts fly overhead, then I suppose one could say that is bound to put the cat among the penguins. Thank you very much.

Chúng ta tưởng tượng ra hình ảnh gì? Trước hết là một máy bay bay qua bầu trời, tiếng nổ ầm ầm, những con chim cánh cụt ngẩng đầu lên nhìn, nhưng vẫn đứng yên tại chỗ. Máy bay bay qua, chim ngẩn cổ nhìn theo và bị ngã ngửa ra. Đây là hiện tượng: *penguin topple phenomena*.

Như vậy không phải là khi nghe chúng ta biết hết các từ. Nhưng văn cảnh nói chung đã cho chúng ta những hình ảnh rất cụ thể và sống động. Đồng thời nhờ văn cảnh mà chúng ta lại có thể đoán nghĩa của những từ đối với chúng ta là mới.

Bài tập 4: Đến đây chúng ta tiến hành một bài tập dùng văn cảnh để đoán từ. Chúng tôi cho một câu không đầy đủ. Các bạn dựa vào văn cảnh của thông tin đã cho để đoán nốt phần còn lại.

Câu thứ nhất: *When Bob got Julie's invitation ...* (Khi Bob nhận được lời mời của Julie)

Các bạn đoán phần sau sẽ là gì? Có thể có nhiều khả năng như: Bob vui mừng và nhận lời, hoặc Bob thấy cảm động vì Julie vẫn còn nhớ đến anh ta, hoặc Bob lấy làm tiếc là không thể đến được, v.v...

Nhưng nếu có thêm văn cảnh nữa thì chúng ta sẽ dễ đoán hơn. Ví dụ

When Bob got Julie's invitation, ... he thought he would delay his meeting with Kent ...
(Khi Bob nhận được lời mời của Julie, ... anh ta nghĩ mình sẽ hoãn cuộc gặp Kent ...)

Ta có thêm được một văn cảnh là Bob hoãn cuộc gặp với Kent. Nó làm rõ hơn ý định của Bob khi nhận được lời mời. Tuy nhiên chúng ta cũng chưa thể khẳng định hoàn toàn là Bob có nhận lời đến gặp Julie hay không.

Cuối cùng toàn văn cảnh bộc lộ rõ, ví dụ chúng ta có thêm câu sau đây: *to come to meet her*. thì rõ ràng Bob đã nhận lời Julie: *Bob accepted it*.

Bài tập 5: Chúng ta tiếp tục bài tập này bằng một đoạn băng video, trích trong phim Snow Queen. Trong những câu hội thoại giữa Gerda và Kai. Chắc chắn sẽ có những từ chúng ta không nghe ra. Hãy dựa vào văn cảnh bằng hình ảnh của đoạn phim này mà đoán từ để hiểu được toàn bộ câu chuyện.

O_O

Gerda: Aren't you even going to wish me a happy birthday?

Kai: I'm sorry ... yes, Gerda. Happy birthday.

Gerda: Thank you.

Kai: I've been awful, I know ... but that's finished. Forgive me Gerda ...

I'm just ... I've been ... sick. That's all. Sick

Gerda: Then you'll be at my party tonight? Don't let me down. Daddy didn't want you to be there at all after the way you've been.

Kai: I'll be there ... I promise.

Gerda: I'll never forgive you if you don't turn up. I mean it, Kai.

Kai: I promise.

Các bạn thấy cũng thật là khó. Tuy nhiên văn cảnh rất rõ. Có thể câu đầu tiên chúng ta nghe không rõ. Nhưng khi nghe thấy Kai nói:

Yes ... Happy birthday.

Câu này Kai nói rất rõ, thì nỗ giúp chúng ta đoán được câu trước là Gerda nhắc Kai về sinh nhật của mình. Sau đó chúng ta nghe thấy Gerda mời Kai đến dự sinh nhật của mình tối nay. Cô nói

... you'll be at my party tonight?

Và câu sau đó có thể không nghe rõ câu tiếp theo, nhưng Gerda nói rất rõ từ : *down*. Trong văn cảnh này chúng ta có thể đoán được là Gerda nhắc Kai đừng có làm cô thất vọng. Nhóm từ đầy đủ của nó là

Don't let me down.

Đây chính là kỹ thuật đoán từ trong văn cảnh bằng hình ảnh. Kỹ thuật này tất nhiên phụ thuộc rất nhiều vào khả năng nắm bắt trọng âm câu để hiểu nghĩa toàn câu. Tuy nhiên nó xảy ra khi người nghe không nắm bắt hết được những từ quan trọng trong câu. Và như vậy phải viện đến hình ảnh. Hình ảnh này có thể đứng trước hoặc đứng sau câu mình không nắm bắt được.

Nếu chúng ta thường xuyên luyện theo cách này, mỗi ngày chỉ cần dùng một *video clip* khoảng 60 giây thì chúng tôi tin rằng sau một thời gian khả năng phán đoán nội dung thông điệp bằng văn cảnh sẽ tiến bộ rõ ràng. Đồng thời nó giúp cho chúng ta rút ngắn giai đoạn tiến tới tư duy bằng ngoại ngữ khi nói.

B. Listen for pleasure

Khi nghe tiếng Anh chúng ta phải vận dụng khả năng phán đoán nội dung qua văn cảnh rất nhiều. Đặc biệt là khi nghe hát. Nghe hát còn phải đoán nhiều hơn vì lời hát rõ hay không còn phụ thuộc rất nhiều vào giai điệu. Một từ rất quen thuộc với chúng ta nhưng khi rơi vào chỗ luyến láy thì thật khó nhận ra. Nhiều khi chúng ta chỉ nhờ vào một âm nào đó cùng với văn cảnh để đoán ý nghĩa. Bây giờ chúng ta hãy cùng nghe bài : YOU GOTTA BE

O_O

You gotta be - Des'ree

*(2). Listen as your day unfolds
Challenge what the future holds
Try and keep you head up to the sky
Lovers, they may cause you tears
Go ahead release your fears*

*Stand up and be counted.
Don't be ashamed to cry*

*You gotta be
(1). You gotta be bad, You gotta be bold
You gotta be wiser, You gotta be hard
You gotta be tough, You gotta be stronger*

*You gotta be cool, You gotta be calm
You gotta stay together
All I know, all I know, love will save the day*

*Herald what your mother said
Readin' the book your father read
Try to solve the puzzles in your own sweet time*

*Some may have more cash than you
Others take different view
my oh my heh, hey ... (repeat 1)*

*Don't ask no questions, it goes on without you
Leaving you behind if you can't stand the pace
The world keeps on spinning
You can't stop it, if you try to
This time it's danger staring at you in the face
oh oh oh
Remember (repeat 2)
My oh my heh, hey, hey (repeat 1, 1 ... ad lib to fade)*

Bài này là một lời tâm sự, một lời tâm sự đầy sự lạc quan trong tình yêu. Tác giả muốn nói rằng trong tình yêu chúng ta không nên quá đắm đuối với tình cảm mà quên đi chí hướng tương lai. Tình yêu phải thúc đẩy chúng ta xây dựng tương lai.

Tác giả nói rằng ngày tháng sẽ trôi đi, chúng ta sẽ phải đương đầu với những thách thức của tương lai, và hãy ngẩng cao đầu. Người tình có thể làm ta buồn khóc, nhưng cuộc đời phải tiến, hãy vượt qua mọi sự sợ hãi.

*Listen as your day unfolds
Challenge what the future holds
Try and keep you head up to the sky
Lovers, they may cause you tears
Go ahead release your fears*

Chúng ta có thể có lúc nào đó chưa tốt, nhưng hãy can đảm, hãy thông minh hơn, hãy cương nghị và mạnh mẽ hơn, hãy bình tĩnh đi. Cuộc đời sẽ đền đáp chúng ta. Nhất là khi ta có tình yêu. Tình yêu sẽ bù đắp cho chúng ta.

*You gotta be bad, You gotta be bold
You gotta be wiser, You gotta be hard
You gotta be tough, You gotta be stronger
You gotta be cool, You gotta be calm*

Trong đoạn trên tác giả dùng thủ pháp lặp lại để tạo ra sự khẳng định, sự nhấn mạnh. Tác giả cũng khuyên chúng ta rằng hãy ngợi ca những tâm tình của người mẹ. Đó là tình cảm. Hãy đọc những sách người cha đọc. Đó là chí hướng. Và nhờ đó chúng ta vượt qua được những tháng ngày lúng túng trong cuộc đời ngọt ngào của mình.

*Herald what your mother said
Readin' the book your father read
Try to solve the puzzles in your own sweet time*

Ngôn từ đơn giản, tình cảm đậm đà.

9. NGHE GHI (LISTEN AND TAKE NOTES)



A. Listen for study

Trong hoạt động thường xuyên của chúng ta, nhiều hoạt động đòi hỏi phải có tư liệu để nghiên cứu, học tập. Nguồn tư liệu có thể là mạng internet, sách xuất bản, v.v. Ngoài ra còn một nguồn tư liệu cũng rất quan trọng, đó là những bài nói chuyện, bài giảng trên giảng đường, tin tức qua truyền hình, radio, v.v., hay nói cách khác đó là nguồn tư liệu qua nghe. Nguồn tư liệu này tuy phong phú, nhưng “lời nói gió bay”.

Muốn lưu nó lại để sử dụng cho mục đích của mình, người nghe không thể chỉ dựa hoàn toàn vào trí nhớ, mà cần phải sử dụng kỹ thuật hỗ trợ trí nhớ. Đó là *kỹ thuật nghe-ghi (listen and take notes)*

Bài tập 1: Chúng ta nghe một bài nói chuyện về *FAMINE* (Nạn đói). Nghe không ghi chép. Các bạn cố gắng ghi nhớ mọi thông tin.

O_O

FAMINE

I am going to talk to you about the problem of famine in Africa and I am going to ask who benefits from famine. Famine once again seems to be threatening several countries in southern Africa. The donor countries, the UN agencies, the NGO are once again starting to ring the alarm bell and are preparing for the worst.

Now, the fact of the matter is that famine, in the modern world, famine is essentially man made, and is preventable. It is preventable in virtually all cases. What is not preventable, of course, is poverty, underdevelopment, and malnutrition, to some extent. These are not preventable. What is preventable is famine, and this is especially true of southern Africa. This region is, by every nature, extremely fertile. It has huge amount of natural recourses of all kinds. And it is not over-populated. Now it is true that a country such as Ethiopia, is perhaps more intrinsically subject to food crisis, food production crisis, the climate is very different from a much drier ... The southern Africa is much fertile. It is much more heavily populated. But even in Ethiopia, ... even on Ethiopia ... there should not be famine. It should be possible to build up the farming industry to build up food stock, and to allow to make provision for such a crisis. But it is, whatever about Ethiopia, there is certainly no excuse for this happening in southern Africa, and in countries I mentioned.

It is more than a common or garden incompetence and corruption. It seems that governments in this region failing to make any provision for normal bad weather, for normal faults in food production. These are perfectly normal in any agricultural economies. There are good years and bad years. And yet governments in these countries, I mentioned seem to make no allowance in fact at all. They have failed to build up emergency food stock, in case of emergency. They have wasted, or sold off large amounts of food stock they actually have, these are mainly sold off for profits, for profits to those who control them, for those who have powers. And then what do they do? Once the situation begins to deteriorate, once, there is a bad harvest, there is a bad weather condition, or whatever, then they turn to the international community and raise the alarm about forthcoming famine, and simply wait for the donor countries to provide a very large scale of massive food aid.

Now the problem is not only does this, not only does this facilitate corruption in these countries if massive amounts of aid are provided, the chances are that they will be misused. They can be used to show up the government in power, the guerrilla movement which happens to be in power. They can be a way of creating a dismay for such governments or political movements to control the food aid distribution, and the third point is that they can use food aid as a weapon. They can use it as a weapon against a group or tribe, or opposition movement which the government disapproves of, and they can use it by depriving them of food aid. They can give food aid to their supporters, and to deprive opposition movements or regions, separated regions of such food aid.

Now as I said earlier nobody wants to hurt people who are suffering from malnutrition or from hunger, in casethey're victims, true victims, or real victims of such situation. And I am not suggesting at all that one should not help the victims of food shortage, which may become a famine, certainly not. They are not to blame, but I do believe the one needs to keep a very tight control of the aid which we give to these regimes, to these corrupt and incompetent governments. Thank you.

Liệu chúng ta có thể nhớ hết được mọi chi tiết không? Điều này còn đòi hỏi khả năng nghe hiểu. Chúng ta hiểu được bao nhiêu phần trăm bài nói chuyện đó? Cứ coi rằng chúng ta hiểu được toàn bộ nội dung bài, nhưng để ghi nhớ được đầy đủ một cách chi tiết lại là một thách thức. Thông thường trong những trường hợp nghe như thế này chúng ta cần viện đến kỹ thuật ghi chép (*note-taking techniques*) trong khi nghe.

Ghi chép là điều cần thiết đối với người học tiếng. Có nhiều lý do cần phải ghi chép trong khi nghe. Đối với học sinh, sinh viên, khi nghe giảng trên lớp cần ghi chép càng đầy đủ càng rõ ràng càng tốt. Bài giảng trên lớp mới là sự mở đầu. Người học về nhà cần xem lại, nghiên cứu bản ghi để hiểu bài hơn, để biết hướng tìm tư liệu đọc tham khảo, và nhất là để làm bài tập. Nhà báo khi phỏng vấn cần ghi chép đầy đủ ý kiến của người được phỏng vấn để về viết bài. Người phiên dịch (dịch đuổi) trong khi nghe cần ghi chép (sự kiện, con số, v.v.) để khi diễn giả dừng nói là dịch được ngay.

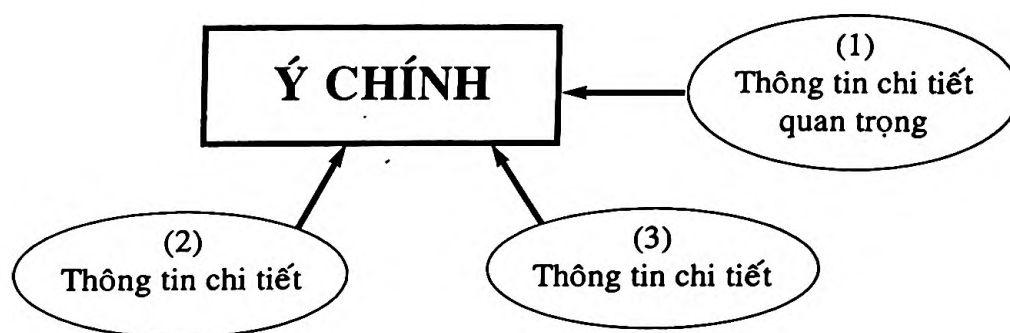
Điều cơ bản ở đây chúng ta cần thống nhất là: ghi chép không thay thế được trí nhớ. Bản ghi chỉ là tài liệu hỗ trợ trí nhớ. Ghi chép cần có kỹ thuật. Nếu không, khi đọc lại bản ghi của mình, nhiều khi chính mình cũng không đọc được, không hiểu mình đã viết gì.

Những điều cần biết khi ghi chép:

- Cần phải ghi đầy đủ ý chính mà người nói muốn chuyển tải.
- Dùng ký hiệu để ghi lại mối quan hệ (links) giữa các ý chính.
- Không ghi quá nhiều. Ghi ở mức tối thiểu, chỉ cần đủ để giúp ta nhớ lại bài giảng.

Để có thể ghi chép được, trước hết chúng ta cần nghe hiểu được một cách đầy đủ. Có như thế chúng ta mới phân loại được ý chính và ý hỗ trợ để ghi chép.

Có hai cách ghi chép, một là ghi theo sơ đồ: ý chính ghi ở vòng tròn (hoặc hình vuông) giữa, và các ý phụ nằm trong các hình tròn, hoặc e-lip ở ngoài và có mũi tên chỉ vào. Hình ảnh chung của sơ đồ đó như sau:



Bài tập 2: Hãy nghe đoạn sau đây và ghi những điều cần thiết vào các khung của sơ đồ trên.

O_O

Not everyone wants to go on living at home. On the other hand, not everyone can afford to live on their own. Besides there are some people don't want to!

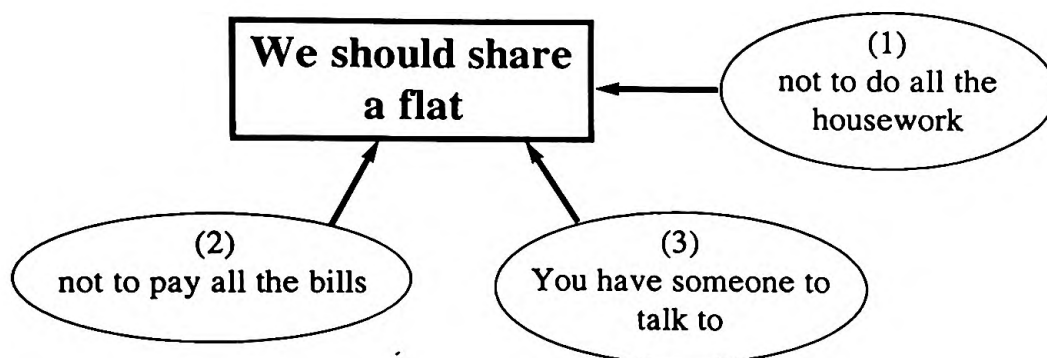
One possible solution, of course, is to share a flat. This kind of arrangement has certain advantages. For one thing you do not have to do all the housework yourself or pay all the bills. And there is a fair chance you will have someone to talk to if you feel lonely.

Inside. D. Byrne & S. Holden. Longman. P.35.

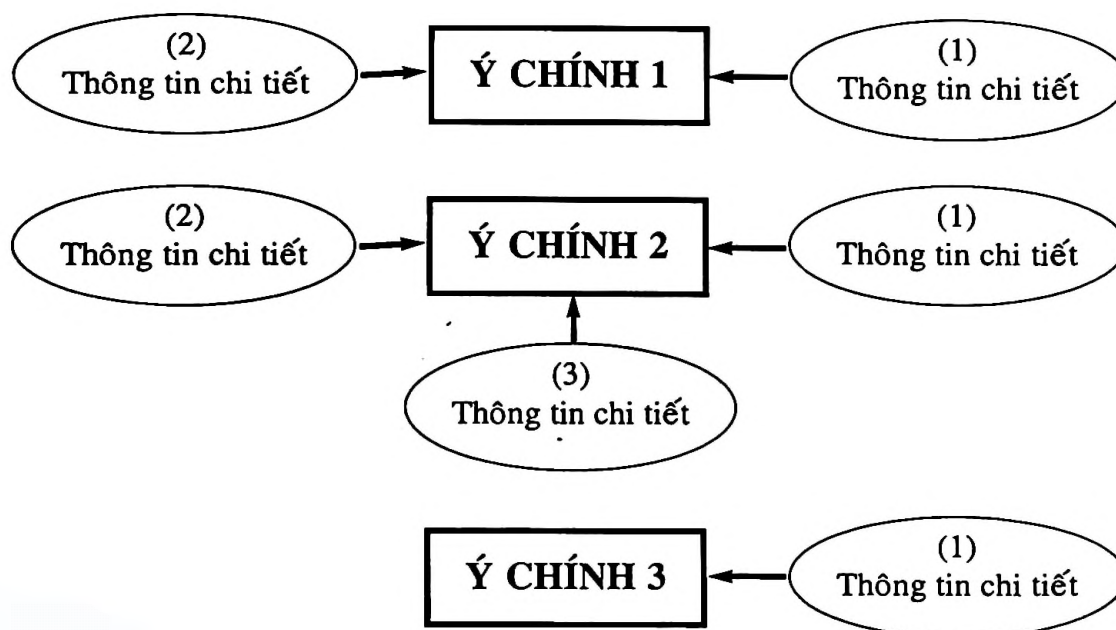
Khi nghe đoạn trên chúng ta thấy ý chính của diễn giả là *We should share a flat* (*Chúng ta nên ở chung một căn hộ*). Chúng ta ghi ý chính này vào hình vuông ở giữa.

Sau đó chúng ta bắt được ba ý giải thích rõ lý do tại sao. Ghi những lý do này vào trong các ô thích hợp.

1. Not to do all the housework
2. Not to pay all the bills
3. We have someone to talk to.



Theo phương thức đó, bài nói chuyện có bao nhiêu ý chính thì có thể có bấy nhiêu hình vuông. Số lượng hình tròn có mũi tên vào từng hình vuông tùy thuộc số lượng ý phụ của nó. Sau đây là hình ảnh chung của một bài nói chuyện có ba ý chính:



Thông thường cách ghi “tổn giấy” này chỉ dùng cho người phiên dịch, vì công việc của họ là dịch từng đoạn ngắn.

Khi ghi chép một bài nói chuyện dài, để tránh sự rườm rà của sơ đồ, chúng ta chỉ cần giữ một (hoặc vài) hình vuông để ghi ý chính, còn các ý phụ trợ có thể ghi xung quanh hình vuông mà không cần dùng hình tròn.

Một dạng thức khác là ghi chép theo đường thẳng đứng (*vertical notes*). Chúng ta có thể sử dụng những gạch đầu dòng. Khi ghi chép theo cách này cần chú ý: giữ đúng trật tự các sự kiện, ghi từ trên xuống dưới. Đồng thời không nên ghi sát nhau quá. Nên có khoảng cách dự trữ để có thể điền thêm dữ liệu. Sơ đồ sau đây gợi ý cho chúng ta một cách ghi.

* *Cách ghi không đúng: sát dòng quá.*

+
 +
 +
 +

* *Cách ghi đúng: giãn dòng*

+
 +
 +
 +

Trong cách ghi theo chiều thẳng đứng, ý chính ghi sát ngoài lề, còn ý hỗ trợ ghi thụt vào so với ý chính.

.....	<u>ý chính 1</u>
.....	ý hỗ trợ 1
.....	ý hỗ trợ 2
.....	<u>ý chính 2</u>
.....	ý hỗ trợ

Bài tập 3: Sau đây là một đoạn phim trích trong phim Snow Queen. Hãy ghi lại những sự kiện chính và những sự kiện hỗ trợ trong đoạn phim.

O_O

WHITE BEAR HOTEL - LOBBY - NIGHT

Gerda finds the broken mirror ... and the shoe box.

She reads the note.
Her eyes widen with fear.

MAIN STREET - NIGHT

Gerda rushes out into the street.

FROZEN LAKE - NIGHT

Kai arrives at the lake. The Snow Queen is waiting for him.

Kai (to boy on lake)
Hey, let me have your sleigh

Boy
No

Kai
Just give it to me

Boy
No, I'm playing with it.

Kai punches the boy in the stomach and steals his sleigh.

Kai
Take me with you!

The Snow Queen tosses him a rope. He is pulled along by her motorised sleigh.

FROZEN WOOD - NIGHT

Gerda runs through the woods towards the lake.

FROZEN LAKE - NIGHT

Kai
Faster!

Snow Queen
How fast would you like to go?

Kai
As fast as you can go!

Gerda arrives at the lake. There is no sign of Kai.

FROZEN LAKE - NIGHT

Kai

Faster!

Gerda turns and walks away.

FROZEN BRIDGE - NIGHT

Kai is thrown off his sleigh. The Snow Queen stands over him.

Kai

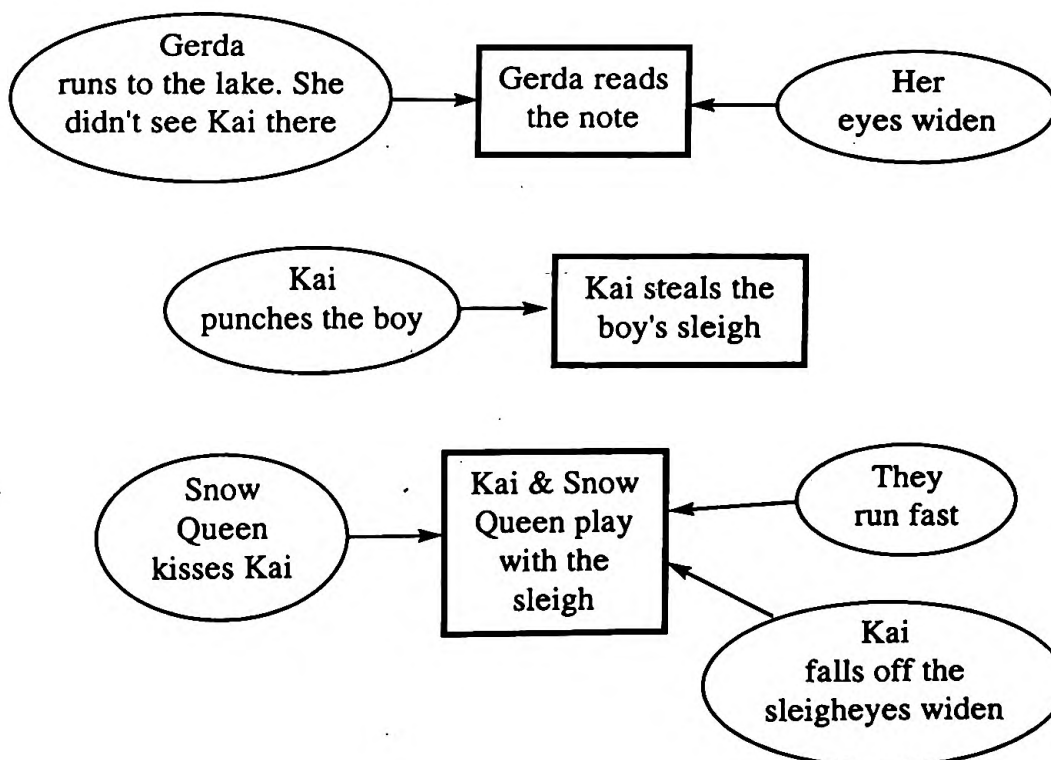
I think I've broken my arm.

Snow Queen

I don't think so. You know I told you you wanted something from me, but you didn't know what it was. This is what it was.

She kisses him. He falls into a trance.

Các bạn ghi lại được những sự kiện gì?



Khi nói đến ghi chép người học không thể bỏ qua cách sử dụng ký hiệu. Có hai loại ký hiệu: một là những ký hiệu phổ quát, và hai là ký hiệu cá nhân sử dụng.

Ký hiệu phổ quát là những ký hiệu đã trở thành hình ảnh chung mà ai nhìn thấy cũng hiểu ý nghĩa của nó. Ví dụ

- ↑ tăng số lượng, phát triển. Ví dụ *population* ↑ (the population increase),
Vietnam ↑ (Vietnam is developing)
- ↓ giảm đi, đi xuống. Ví dụ *income* ↓ (the income gets lower)
- / hoặc là. Ví dụ *husband/wife* (husband or wife)
- dẫn đến. Ví dụ *flood* → *diseases* (flood leads to diseases)
- = tương đương, ngang bằng. Ví dụ *16 ounces* = *1 pound* = *0.4536kg*
- # gần bằng, sát nút.
Ví dụ *his record* # *first* (His record is as nearly high as the first.)
- ± cộng trừ, xấp xỉ. Ví dụ *± 30% pop.* (approximately 30% of the population)
- + thêm, cộng thêm. Ví dụ *+manioc* (in addition, he grows manioc)
- ? vẫn còn nghi vấn, vẫn còn là câu hỏi chưa giải quyết được.
Ví dụ *unemployment?* (Unemployment is still a problem.)
- bớt đi, loại ra, không kể. Ví dụ *- maize crop* (not including maize crops)
- ↔ quan hệ tương tác. Ví dụ *A ↔ B* (the interaction between A and B forces)

Trong loại ký hiệu phổ quát người ta kể cả những cách viết tắt, những từ viết tắt đã thành hệ thống, đã được chấp nhận trong một cộng đồng (ví dụ trong một loại dự án nào đó), hoặc trên toàn thế giới. Ví dụ:

abbr.	abbreviation
n.	noun(s)
syn.	synonym(s)

Ngoài ra có những chữ viết tắt đã trở thành một từ, mà người sử dụng nhiều khi chỉ hiểu nghĩa của từ viết tắt ấy, chữ không biết đến từ đầy đủ của nó.

Ví dụ:

GDP (gross domestic product)
LC (letter of credit)
GMT (Greenwich Mean Time)

và rất nhiều các từ chỉ tên các tổ chức quốc tế như:

IMF (International Monetary Fund)
UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization)
WB (World Bank)

Ký hiệu cá nhân là loại ký hiệu do chính mình tạo ra để ghi chép. Ví dụ:

0 không, không có. Ví dụ 0 *new comers* (There are no new comers.)
^ rừng. Ví dụ *new ^* (the new planted forests)
~ river. Ví dụ *longest ~* (the longest river)

Loại ký hiệu cá nhân thường rất phong phú, nhưng người sáng tạo và sử dụng cũng cần thận trọng vì phải sáng tạo và sử dụng một cách có hệ thống. Hay nói cách khác, hãy tạo ra một hệ thống ký hiệu riêng cho mình. Nếu chỉ là những ký hiệu bột phát thì nay nhớ mai quên, và thường là sau một thời gian ngắn, một vài ngày đã có thể quên, ảnh hưởng đến quy trình gợi nhớ. Có những ký hiệu bột phát dùng ở đoạn này, sang đoạn khác đã lại quên.

Trong loại ký hiệu cá nhân người ta kể cả những ước lệ cho chính mình, ví dụ khi ghi chép một từ thì chỉ ghi những con chữ đứng đầu, ví dụ như:

cooperative	coop
struggle	strug
emergency	emer.

hoặc ghi những con chữ đầu và cuối, ví dụ như:

years	ys
economics	emics
government	govt

Hoặc có những người sử dụng cả hai cách. Vấn đề ở đây là chúng ta hãy tự quy ước cho mình một cách viết tắt từ /nhóm từ, và sử dụng chúng một cách thành thạo và nhất quán.

Bài tập 4: Chúng ta hãy nghe lại bài *Famine* và ghi chép những ý nghe được, phân loại thành ý chính và ý hỗ trợ. Ghi theo kỹ thuật *vertical notes*.

O_O

FAMINE

.....
.....

Chúng ta bắt đầu ghi như sau:

1. *Famine: man made, preventable*

S.Africa:

fertile

natural resources

not over-populated

Ethiopia: more difficult

farming -> food stock

Chúng ta nghe và ghi tiếp.....

Kỹ thuật ghi chép chúng ta vừa học không phải lúc nào cũng ứng dụng được. Ví dụ khi muốn ghi lại nội dung một bài hát, chúng ta không thể ghi ý chính và ý hỗ trợ. Kỹ thuật dùng để chép lại lời của bài hát là *Dictation cũ* (xem chi tiết: Bài 10)

B. Listen for pleasure

Bây giờ chúng ta cùng thưởng thức bài hát "*Symphony of Life*" do Tina Arena trình diễn. Nếu chưa có lời xin chép lại lời bài hát theo cách của mình. Sau khi học xong bài 10 chúng ta sẽ so sánh cách chép của mình với kỹ thuật *Dictation cũ* để rút kinh nghiệm.

O_O

Symphony of Life

Tina Arena

Album: Unknown

*For this song And I begin to realise
That our path through times unbroken
Do you know what it's like*

*When a mirror never lies
And the truth demands unspoken*

*And we dance into the fire
'Cause our spirits take us higher*

*Do you feel me now
Burning like a flame
If you touch me
I may disappear
Floating through your etes
How do we resist
The gravity of love
In the symphony of life*

*There's place I never been
Where there's angels gathering
And they talk about the future*

*When the simple things in life
Can do more to satisfy
Let the wisdom be my teacher*

*You can have all that you desire
But it may not take you higher*

*Do you feel me now
Burning like a flame
If you touch me
I may disappear
Floating through your etes
How do we resist
The gravity of love
In the symphony of life*

*Symphony of life
Do you feel me now
Burning like a flame
If you touch me
I may disappear
Floating through your etes
How do we resist*

*The gravity of love
In the symphony of life*

*Yeah! Yeah!
There are one error
I'll mark below*

Trong hai câu mở đầu bài hát, tác giả đưa ra một triết lý chung là con đường đi của chúng ta chẳng bao giờ đứt đoạn, chiếc gương không bao giờ biết nói dối, chân lý không cần phải nói ra.

*For this song And I begin to realise
That our path through times unbroken*

*Do you know what it's like
When a mirror never lies
And the truth remains unspoken*

Chúng ta có thể nhảy vào lửa khi tinh thần lên cao

*And we dance into the fire
'Cause our spirits take us higher*

Với ngọn lửa rực lên trong tình yêu, những đôi yêu nhau hình như có lửa cháy trong lòng, hình như đang trong cơn mơ mộng, và chẳng ai có thể chống lại sức hút của tình yêu, của mối tình bay cùng giai điệu cuộc đời.

*Do you feel me now
Burning like a flame
If you touch me
I may disappear
Floating through your etes
How do we resist
The gravity of love
In the symphony of life*

Với những người đang yêu, chỉ còn lại một nơi họ có thể chưa từng vươn tới. Đó là nơi thiên thần tụ họp để nói đến ngày mai. Nhưng lúc này đây những điều giản đơn của cuộc đời cũng đã làm cho chúng ta hạnh phúc, nhất là khi sự thông thái trở thành người thầy của cuộc đời chúng ta.

There's place I never been

*Where there's angels gathering
And they talk about the future*

*When the simple things in life
Can do more to satisfy
Let the wisdom be my teacher*

Ai đấy có thể tìm kiếm tất cả những điều mình mong ước, nhưng những điều đó chưa hẳn đã làm cho đời ta bay bổng.

*You can have all that you desire
But it may not take you higher*

10. NGHE - CHÉP CHÍNH TẢ (DICTATION & DICTOGLOSS)



A. Listen for study

Trong các kỹ thuật học tiếng Anh chúng ta thấy trước đây người ta hay dùng kỹ thuật chép chính tả, thuật ngữ tiếng Anh gọi là *Dictation*. Gần đây có xuất hiện một kỹ thuật mới, đó là *chính tả ngữ pháp*, thuật ngữ tiếng Anh gọi là *Grammar Dictation*, hay còn gọi là *Dictogloss*. (Chi tiết xem *Grammar Dictation*, Ruth Wajnryb, OUP, 1997).

Kỹ thuật *Dictation* cũng có hai loại, một loại sử dụng cách đây đã lâu, với mục đích là kiểm tra khả năng viết đúng chính tả. Ví dụ chúng ta lấy một tư liệu để tập chép là *Pre-quake Jitters*. Các bước tiến hành như sau:

DICTATION (CŨ)

Tư liệu (băng ghi âm): Một bài đọc hai lần, lần thứ nhất đọc với tốc độ chậm (*slow*

speed) nhưng đọc liền một mạch từ đầu đến cuối. Lần thứ hai đọc chậm, tức là bằng đọc chậm từng từ hoặc nhóm từ, và sử dụng dạng mạnh (*strong form*) của từ, dành đủ thời gian cho người học chép vào giấy. Nếu là buổi học trên lớp thì thầy giáo đọc theo yêu cầu trên.

Yêu cầu: Chép lại đúng nguyên văn của bài chính tả.

Các bước tiến hành như sau:

Bước 1: Người học (mở băng) nghe một lượt từ đầu đến cuối bài chính tả (tốc độ chậm).

PRE-QUAKE JITTERS

Shortly before an earthquake animals are known to go berserk: dogs bark and howl, cats run into the street. and mice run around in circles! This has often been noted by farmers and other country people in earthquake-prone zones. Some people, too, are affected with complaints of headache, nausea, and general irritability. Apparently, before an earthquake, electricity released by the earth and this accounts for the pre-quake jitters that are experienced by animals and people alike.

Bước 2: Mở băng nghe đọc lần thứ hai, vừa nghe vừa chép vào giấy. Ví dụ:

Pre-quake Jitters / pri:kweɪk dʒɪtəz/

Shortly / ʃɔ:tlɪ/ ... before /bɪ'fɔ:/ ... an /ən/ ... earthquake / 'ɜ:θkweɪk/ ...

animals /æniməlz/ ... are /ə/ ... known /nəʊn/ ... to /tu/ ... go /gəʊ/ ... berserk /bə'zɜ:k/ ...

Bước 3: Sau khi chép hết cả bài, mở băng nghe lại một lượt từ đầu đến cuối (băng đọc lần 1) để soát lỗi: bỏ sót từ, sai chính tả, v.v. Những từ viết sai chính tả đều bị đánh lỗi.

DICTION (MỚI)

Giai đoạn sau, bài viết chính tả được cải tiến thành một kỹ thuật nghe hiểu, với cách làm như sau:

Tư liệu (băng ghi âm): Một bài đọc với tốc độ bình thường (*normal speed*), tức là tốc độ như đọc tin trên truyền hình hoặc radio. Lần thứ nhất đọc liền một mạch. Lần thứ hai vẫn đọc với tốc độ bình thường nhưng ngắt từng câu (hoặc từng mệnh đề, nếu câu dài), dành thời gian đủ để người học chép vào giấy.

Yêu cầu: Chép lại đúng nguyên văn của bài chính tả.

Các bước tiến hành như sau:

Bước 1: Mở băng nghe một lượt từ đầu đến cuối. Mục đích: phát hiện chủ đề và hiểu sơ qua nội dung bài. Nếu người học ở trình độ thấp, có thể nghe hai hoặc ba lần. Mỗi lần đều phải nghe một lượt từ đầu đến cuối, không dừng lại giữa chừng để tra từ điển kiểm tra từ mới, hoặc không nghe đi nghe lại một (vài) câu nào đó.

Bước 2: Mở băng lần thứ hai: Băng chạy từng câu. Người học nghe hiểu cả câu rồi chép vào giấy cả câu đó. *Mỗi câu chỉ nghe một lần.* Điều khó ở đây là: nghe với tốc độ bình thường, cần hiểu được nội dung thông điệp, cần nhớ cả câu để chép lại. Ví dụ:

Shortly before an earthquake animals are known to go berserk
/ 'ʃɔ:tlɪ bi'fɔ:(r)ən 'ɜ:kweɪk 'æniməlzə 'nəʊn tə ɡəʊ bə'zɜ:k/

dogs bark and howl / 'dɒgz 'bɑ:kən :haʊl /

cats run into the street / 'kæts 'rʌnɪntə ðə 'stri:t /

and mice run around in circles / ən 'maɪs rʌnə'raʊndɪn 'sɜ:klz /

Bước 3: Nghe lại băng đọc liền một mạch với tốc độ bình thường. Rà soát lỗi ghi lại câu (thiếu từ, nghe nhầm từ, câu không có nghĩa, lỗi ngữ pháp, ...). Lỗi chính tả là thứ yếu.

Như vậy loại hình *Dictation* mới này đã nghiêng về kỹ thuật học nghe. Viết đúng chính tả không phải là tiêu điểm của loại hình này.

DICTOGLOSS

Ngày nay giới giáo học pháp lại cho ra đời một loại hình cải tiến nữa, đó là *Dictogloss*. *Dictogloss* khác hẳn với bài *Dictation* cũ và mới, cả về thủ pháp tiến hành lẫn mục đích. Trong bài này, người học nghe một bài ngắn đọc với tốc độ bình thường (*normal speed*), vừa nghe vừa ghi lại một số từ quan trọng của câu (kỹ thuật nghe-ghi). Vậy là sau khi nghe xong cả bài, người học có trong tay bản ghi những từ riêng lẻ. Những từ riêng lẻ này sẽ là những gợi ý để người học dựng lại thông điệp vừa nghe.

Tư liệu (băng ghi âm): Băng chuẩn bị cho *Dictogloss* là một bài viết ngắn, khoảng 100 từ. Bài này được đọc ba lần. Lần thứ nhất đọc với tốc độ bình thường (*normal spoken speed*), tức là tốc độ đọc của các phát thanh viên TV hoặc radio khi đọc tin phát sóng, và đọc liên tục từ đầu đến cuối không dừng. Lần thứ hai cũng đọc với tốc độ như vậy nhưng có dừng sau khi hết một câu hoặc một mệnh đề, nếu câu

dài. Chỗ dừng dài khoảng năm số đếm (1-2-3-4-5). Thời gian dừng này dành cho người học ghi chép.

Yêu cầu:

- Hiểu bài viết qua nghe.
- Ghi lại được những từ quan trọng, tức là những từ có trọng âm trong câu. Không nên ghi nhiều. Ngay cả đối với những từ có trọng âm câu, chỉ cần ghi lại những từ sau này có thể giúp trí nhớ dựng lại câu. Thông thường với một câu khoảng 10 từ, chỉ nên ghi 2 hoặc nhiều lắm là 3 từ. Những từ này chỉ là hỗ trợ trí nhớ, thuật ngữ tiếng Anh gọi là *memory cues* hoặc *memory triggers*.
- Tái tạo thông điệp. Yêu cầu của thông điệp này là một *semantic approximation to the original text* (bản tương đương về nghĩa với bản gốc).

Vậy bài *Dictogloss* tiến hành theo ba bước như sau:

Bước 1: Mở băng nghe một lượt bài chính tả, đọc với tốc độ bình thường (*normal spoken speed*). Có thể nghe hai hoặc ba lần để nắm được chủ đề và sơ lược nội dung bài viết. Trong khi nghe ghi lại những từ quan trọng trong câu. Đây thường là những từ từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh gọi là *lexical words*, hoặc là *content words*, hoặc là *information words*, tức là những từ bản thân nó có nghĩa gốc, ví dụ danh từ như *earthquake* (động đất), tính từ như *general* (nói chung), động từ như *bark* (chó sủa), trạng từ như *often* (thường thường), v.v.

Bước 2: Sau khi nghe xong, đọc kỹ lại bản ghi của mình, dùng những từ ghi được để gợi nhớ nội dung bài nghe. Dựng lại thông điệp bằng cách dựng lại từng câu và ghép các câu lại thành bài. Trong quá trình dựng câu, người học phải dùng kiến thức ngữ pháp của mình để điền những từ ngữ pháp, thuật ngữ gọi là *grammar words*, hoặc *function words*, ví dụ như *this, his, and, or, but, ...*

Điều quan trọng của bước tái tạo thông điệp là người học phải dựa trên bản ghi xây dựng một thông điệp song song, thuật ngữ tiếng Anh gọi là *reconstruction version* hoặc *parallel text*, với thông điệp gốc, chứ không phải là chép lại nguyên si bản gốc (*not reduplicating the original text*). Bước này có thể làm một mình hoặc làm trong nhóm nếu học theo nhóm.

Bước 3: Tập trình bày nội dung thông điệp (đọc to) một mình hoặc trong nhóm cùng học với nhau.

Dictogloss là loại hình luyện phối hợp nghe-nói, sử dụng kỹ thuật ghi chép cũng như tăng cường khả năng gợi nhớ. Cách luyện này giúp người học nâng cao tính sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ.

Sau đây là một số bài đọc có thể dùng cho bài tập *Dictogloss*.

Passage 1

CHILD MOTHER

A nine-year-old girl in Brazil has just become the world's youngest mother. She gave birth last week to a healthy baby daughter. The father of the baby, a sixteen-year-old youth, has run off to escape the law. Both parents come from illiterate farming families in a remote part of Brazil.

Passage 2

THE ENEMY, MAN

Man is an enemy to many animals. Baby seals are clubbed to death for their skins. Crocodiles are tracked down and their skins are used for handbags and shoes. Elephants are destroyed for their ivory which is used for jewellery. Whales are hunted for their oil. Whole species are endangered for fashion.

Passage 3



JUNGLE BOY

A child with all the behaviour of a monkey has been found in Africa. He was found living with a tribe of monkeys and taken to an orphanage. The boy, whose age is estimated to be between five and seven, is believed to have lost his parents at about the age of one and to have been mothered by a chimpanzee or a gorilla. The jungle boy

gets about by jumping like a monkey with his hands clenched, when still, squats on his rump, and if approached, scratches. He grunts and squeals and eats indiscriminately - grass, clothes, bedding, even stones. Shunning the company of humans, he neither smiles nor shows any interest whatever in his surroundings.

Passage 4

LEISURE STRESS

A phenomenon that has recently been identified in western society is leisure stress, an anxiety experienced by people who hate taking a break. Certain personality types are particularly prone to this problem, people who are high-achievers, competitive by nature, and success-motivated. Energized by a hectic work pace and a busy schedule, such people are unable to cope with unstructured spare time. For them, leisure and relaxation equate with tedium and boredom. In some cases people who have poorly developed social skills begin to avoid situations which require them to interact informally. A vicious circle develops and so they never acquire the skills that would help them unwind.

Passage 5

WOMEN TUITION

The fact that women generally are more perceptive than men has given rise to what is commonly known as 'women's intuition'. This quality is particularly evident in women who have brought up young children, for a mother who has a young child relies largely on non-verbal channels of communication. Thus, many women develop an ability to pick up and decipher non-verbal signals, as well as an accurate eye for small detail. This is why few husbands can lie to their wives and get away with it and why, conversely, many women can pull the wool over a man's eyes and without his realizing it. It is also believed to be the reason why women often become more perceptive and skilled negotiators than men.

B. Listen for pleasure

Nghe một bài hát nếu hiểu được nội dung cảm xúc đối với bài hát sẽ lớn hơn rất nhiều. Nếu không tìm thấy văn bản của nhạc phẩm, và muốn ghi lại lời của một bài hát, chúng ta không thể dùng kỹ thuật *Dictogloss*, mà phải dùng kỹ thuật *Dictation* cũ, tức là kỹ thuật nghe đi nghe lại nhiều lần, chép chính xác từng câu từng chữ.

Xin giới thiệu bài hát *How do I live* cho buổi học nghe hôm nay.

O_O

How Do I Live (LeAnn Rimes)

*How do I
Get through one night without you?
If I had to live without you
What kind of life would that be?
Oh I, I need you in my arms
Need you to hold
You're my world my heart, my soul
If you ever leave
Baby, you would take away everything good in my Life.*

Một đêm không anh, có thể được sao.
Và nếu em phải sống không có anh
Thì cuộc đời em sẽ như thế nào?
Ôi, em muốn có anh trong vòng tay em
Muốn anh ôm em
Với em anh là cả đất trời, là trái tim và linh hồn.
Nếu có khi nào anh ra đi
Anh yêu, là anh đã mang đi mọi điều tốt đẹp trong cuộc đời em

*Without you
There'd be no sun in my sky
There would be no love in my life
There would be no world left for me
And I
Baby, I don't know what I would do
I'd be lost if I lost you
If you ever leave
Baby you would take away everything real in my life*

Không có anh
Sẽ chẳng có mặt trời trên bầu trời của em
Chẳng có tình yêu cho em
Chẳng có thế giới nào dành cho em
Và anh yêu, em chẳng còn biết làm gì nữa
Em sẽ mất đi chính em nếu em mất anh
Nếu có khi nào anh ra đi
Anh yêu, là anh đã mang đi mọi điều tốt đẹp trong cuộc đời em

*And tell me now
How do I live without you
I want to know
How do I breathe without you
If you ever go
How do I ever, ever survive?
How do I
How do I
Oh how do I live?...*

Hãy nói với em
Em sẽ sống ra sao nếu không có anh
Em muốn biết
Hơi thở của em khi không có anh
Nếu có khi nào anh ra đi
Thì có còn em nữa không?
Làm thế nào,
Làm thế nào
Em sẽ sống thế nào đây?

*If you ever leave
Baby, you would take away everything
I need you with me
Baby, don't you know that you're everything real in my life*

Nếu có khi nào anh ra đi
Anh yêu
Là anh đã mang đi mọi thứ
Em cần anh bên em
Anh yêu, anh không biết rằng anh là tất cả trong em

*And tell me now
How do I live without you
I want to know
How do I breathe without you?
If you ever go
How do I ever, ever survive?
How do I
How do I
Oh how do I live*

How do I live without you

How do I live without you baby.....
How do I live....

Chắc chắn mỗi người trong chúng ta có một cảm nhận riêng, một cảm xúc riêng. Chúng ta lắng nghe lời tâm sự của một ca sĩ trẻ nói về các bài hát tiếng Anh và về cảm xúc của anh về bài hát này.

Ca sĩ Hoàng Hiệp

Nhiều khi đó là những câu nói rất là bằng quơ, những câu nói rất là bình thường người ta đã đưa vào bài hát thành ca từ và làm cho ca từ đó trở nên đẹp đẽ hơn. Chỉ bằng một câu nói đơn giản, một câu hỏi đơn giản trong một bài hát tiếng Anh *How am I ... to live without you* người ta đưa vào hết sức là tình cờ nhưng kết hợp với giai điệu nữa nó làm cho câu hỏi đó rất là hay; hoặc là *please forgive me*, chẳng hạn, nếu mình dịch ra tiếng Việt ... chẳng lẽ là *hãy tha lỗi cho tôi*, hay *hãy tha lỗi cho anh*, hay *hãy tha lỗi cho em*. Nhưng phải công nhận rằng những bài hát tiếng Anh khi dịch sang tiếng Việt mình không dịch hết nổi nghĩa của nó. Chỉ khi mình hát tiếng Anh, những người hiểu tiếng Anh thì mới thấy hết được ý nghĩa bao trùm của bài hát. Em cảm thấy rằng những ca từ tiếng Anh hoàn toàn có thể sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.

Nói cụ thể về bài *How do I live*, trong bài hát tác giả đã dùng một loạt câu giả dụ: *nếu như, nếu như ...* Loại cấu trúc này giúp cho ta gây một ấn tượng mạnh về sự trống trải, cô đơn, sự băn khoăn, đau khổ, lúng túng nếu như không có anh, nếu không có em... Nếu không có anh thì cuộc đời em ra sao?

Nào là *There'd be no sun in my sky* (Sẽ không có mặt trời trên bầu trời của em.)
Hay *How do I ever survive?* (Liệu có còn em nữa không)
Hoặc là *There would be no world left for me* (Chẳng còn thế giới nào cho em nữa)

Rồi một câu giả dụ nữa là: Nếu có ngày nào đó anh ra đi, thì sẽ ra sao?
How do I get through one night without you? (Chỉ một đêm không có anh thì em sẽ ra sao đây?)

You would take away everything good in my life (Anh mang đi tất cả những điều tốt đẹp trong đời em)

Sau đó là loại câu hỏi : *How can...?* (Làm thế nào đây?) Loại câu hỏi này trong bài hát này không có câu trả lời, mà nó chỉ gợi lên một tình cảm mà thôi. Tự hỏi mình cái điều mình đã biết.

Làm thế nào em có thể sống được? (*How can I survive?*)
How do I breathe without you? (Làm thế nào em có thể giữ được hơi thở của chính mình?)

Và loại câu cuối cùng dùng để giải thoát những điều lúng túng là những câu mơ ước:

Em muốn có anh trong vòng tay em (*Oh I, I need you in my arms*)

Muốn anh ôm em (*Need you to hold*)

Đối với em anh là tất cả, là đất, là trời, là trái tim và linh hồn. (*You're my world, my heart, my soul*)

Trong bài hát này tác giả đã sử dụng phương tiện ngôn ngữ đơn giản để thể hiện một tình cảm đậm đà như thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO - REFERENCES

- Allen, Virginia French (1983). *Techniques in Teaching Vocabulary*. OUP.
- Haliday, M.A.K. (1978). *A Course in Spoken English: Intonation*. OUP.
- Hill, Brian (1989). *Making the Most of Video*. CILT.
- Lynch, Tony (1996). *Communication in the Language Classroom*. OUP.
- Mathews, Candace (1994). *Speaking Solution*. Prentice Hall Regents.
- Nguyễn Quốc Hùng (1999). *Phương Pháp Học tiếng Anh (Study Skills)*. NXB TP.Hồ Chí Minh
- Nguyễn Quốc Hùng (2004). *Kỹ thuật dạy tiếng Anh (Classroom Techniques in Teaching English in Vietnam)*. NXB Giáo Dục (Educational Publisher)
- Nguyễn Quốc Hùng (2004). *Dạy-Học tiếng Anh với sự hỗ trợ của video (Video-Assisted Language Teaching & Learning)*. NXB TP.Hồ Chí Minh
- Smith, Mike and Glenda (1990) *A Study Skills Handbook*. OUP.
- Wajnryb, Ruth (1990). *Grammar Dictation*. OUP.
- Wessels, Charlyn (1997). *Drama*. OUP.
- Yorkey, Richard C. (1982). *Study Skills for Students of English*. McGraw-Hill.

Nguyễn Quốc Hùng, M.A.

LISTENING TECHNIQUES

STUDY SKILLS

Sách hướng dẫn người Việt luyện nghe hiểu tiếng Anh

Chương trình phát sóng Truyền hình Việt Nam - VTV2

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập: **Trần Thị Anh Oanh**

Sửa bản in: **Hoàng Duy**

Trình bày: **Hoàn Long**

Bìa: **Tinh Hoa**

Đơn vị liên doanh:

CÔNG TY TNHH VĂN HOÁ TINH HOA

2/209 Nguyễn Gia Thiều, P6, Q3, TP.HCM

Điện thoại: 08.9303530 - 08.9307020 Fax: 848.9307020

Website: www.sachngoaingu.net

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 25.5 cm tại Công ty In Văn Hoá Sài Gòn

754 Hàm Tử, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Giấy phép xuất bản số 743-2006/CXB/67-56/THTPHCM cấp ngày 23/10/2006

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2006